MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN 3
PHẦN MỞ ĐẦU 4
1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn 4
2. Tình hình nghiên cứu 6
3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn 8
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn 8
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 9
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn 9
7. Kết cấu của luận văn 10
Chương 1: 10
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ CHỨNG THỰC CỦA UBND PHƯỜNG 10
1.1. Những vấn đề chung về chứng thực 10
1.1.1. *Khái niệm về chứng thực* 10
1.1.2. *Chủ thể thực hiện hoạt động chứng thực* 18
1.1.3. *Tổ chức bộ máy chứng thực của UBND phường* 20
1.1.4. Quá trình phát triển hoạt động chứng thực từ thời kỳ đầu đổi mới năm 1986 đến nay 25
1.2. Quản lý nhà nước về chứng thực 33
1.2.1. *Khái niệm, đặc điểm của quản lý nhà nước về chứng thực* 33
1.2.2. *Nội dung, yêu cầu của quản lý nhà nước về chứng thực* 36
1.2.3. *Chủ thể quản lý nhà nước về chứng thực* 38
1.2.4. *Sự cần thiết quản lý nhà nước về chứng thực* 44
Tiểu kết chương 1 46
Chương 2: 47

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC CỦA UBND PHƯỜNG - TỪ THỰC TIỄN QUẬN THANH XUÂN 47
2.1. Khái quát về quận Thanh Xuân 47

2.1.1 Đặc điểm tự nhiên 47

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội 49

2.1.3 Những yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân hiện nay 51

2.2. Kết quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân. 53

2.2.1. Cơ sở pháp lý về chứng thực cuả UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân hiện nay. 53

2.2.2. *Thành tựu đạt được trong quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân.* 56

2.2.3. Những hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân 69

2.2.4. Một số nguyên nhân của những bất cập, hạn chế trong quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiến quận Thanh Xuân. 76

Trần Anh Chương 2 78

Chương 3: 79

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC CỦA UBND PHƯỜNG TỪ THỰC TIỄN QUẬN THANH XUÂN 79

3.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân 79

3.1.1 *Đòi hỏi từ sự nghiệp đổi mới, xây dựng Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa* 79

3.1.2 *Đòi hỏi từ thực tiễn công tác quản lý nhà nước về chứng thực* 81

3.1.3. Quan điểm của Đảng, Chương trình cải cách hành chính về quản lý nhà nước của Nhà nước 82

3.2. Định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân 85

3.3 Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân 86

3.3.1. *Tiếp tục hoàn thiện thể chế về chứng thực* 86

3.3.2. *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của UBND phường thực hiện hoạt động chứng thực.* 88

3.3.3. *Cần cải thiện chế độ đãi ngộ đối với công chức tư pháp thực hiện chứng thực.* 91

3.3.4. *Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị* 93

3.3.5. *Tổ chức tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật* 94

3.3.6. *Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.* 95

3.3.7. *Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động chứng thực* 95

3.3.8. Quán triệt thực hiện nghiêm túc quy chế " Một cửa" tại UBND phường 97

Tiểu kết chương3 100

PHẦN KÊT LUẬN 101

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 104

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 108

PHỤC LỤC 1 108

PHỤ LỤC 2 109

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

Trong thời kỳ hội nhập phát triển kinh tế hiện nay, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Với mục tiêu năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Cùng với sự phát triển của xã hội thì nhu cầu giao dịch ngày càng tăng. Để thuận tiện cho hoạt động quản lý hành chính nhà nước đồng thời đáp ứng nhu cầu giao dịch, trao đổi của công dân. Nhà nước đã cấp cho công dân nhiều loại giấy tờ: chứng minh thư, bằng lái xe, bằng đại học, chứng chỉ, giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất…Các loại giấy tờ trên về nguyên tắc chỉ được cấp một lần với một bản duy nhất. Trong đời sống xã hội nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội góp phần đáp ứng nhu cầu của người dân về sử dụng nhiều loại giấy tờ vào một mục đích, một loại giấy tờ vào nhiều mục đích. Nhà nước đã tiến hành hoạt động chứng thực bản sao là sao đúng với bản chính nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch có sử dụng bằng bản sao, đảm bảo quản lý nhà nước được hiệu quả.

Theo quy định của pháp luật thì chứng thực là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (phòng tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài) căn cứ vào bản chính để xác nhận bản sao các loại văn bản giấy tờ là đúng với bản chính.

Ngày 18/5/2007, Chính Phủ ban hành Nghị Định 79/2007/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. NĐ 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung điều 5 của NĐ 79/2007/NĐ-CP. Ngày 16/02/2015 Chính Phủ ban hành Nghị Định 23/2015/NĐ – CP Về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính,

chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Nghị định đã tạo ra điểm mới trong hoạt động chứng thực. Sự phân cấp mạnh mẽ về thẩm quyền chứng thực giữa cấp huyện, cấp xã, văn phòng công chứng. Tất cả các văn bản, tài liệu có dấu của nước ngoài xác nhận sẽ thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện, phòng công chứng, văn phòng công chứng; UBND cấp xã chứng thực văn bản có dấu đóng xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, các văn bằng chứng chỉ song ngữ. Với hoạt động chứng thực chữ ký công dân không bắt buộc phải làm tại nơi có hộ khẩu thường trú mà có thể làm tại bất kỳ cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, cấp xã chỉ cần mang theo giấy tờ tùy thân như :chứng minh thư hoặc hộ chiếu còn hạn sử dụng và bản chính của giấy tờ cần xác nhận chữ ký. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chứng thực của công dân. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động chứng thực còn phát sinh nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Hoạt động quản lý nhà nước về chứng thực còn nhiều bất cập, hạn chế từ yếu tố thể chế chứng thực đến công tác tổ chức thực hiện chứng thực.

Quận Thanh Xuân là cửa ngõ phía Tây của thủ đô Hà Nội, là Quận mới được thành lập từ ngày 22/11/1996 với *"diện tích khoảng 908,3 ha dân số khoảng 26.980.000 người*" [35], vì vậy nhu cầu giao dịch là rất lớn. Quản lý nhà nước về hoạt động chứng thực tại UBND phường trên địa bàn quận còn nhiều hạn chế, bất cập. Vì vậy, tôi chọn đề tài " **Quản lý nhà nước về chứng thực của ủy ban nhân dân phường – từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội**" làm đề tài luận văn là đáp ứng yêu cầu đặt ra cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu

Liên quan đến quá trình nghiên cứu của luận văn có một số công trình khoa học được công bố, trong đó có thể kể đến một số công trình sau:

- *" Giới thiệu vài nét về xây dựng hoàn thành công chứng nhà nước ở thành phố Hà Nội",* đăng trên tạp chí Thông tin khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp năm 1995 [05].

- Luận văn Thạc sỹ Quản lý hành chính công: " *Quản lý nhà nước về chứng thực hiện nay – Qua nghiên cứu thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội*" của tác giả Ngô Sỹ Chung [14]. Luận văn đã phân tích hoạt động chứng thực và nội dung quản lý nhà nước về chứng thực theo tinh thần Nghị Định 79/2007/NĐ – CP nêu lên thực trạng và thách thức trong quản lý nhà nước đối với hoạt động của chính quyền và nghành tư pháp thành phố Hà Nội. Về phạm vi, luận văn khảo sát thực tiễn ở cấp huyện và cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Luận văn Thạc sỹ Quản lý hành chính công: *"Quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội*" của tác giả Nguyễn Duy Giang [16] . Luận văn phân tích hoạt động chứng thực và nội dung quản lý nhà nước về chứng thực theo tinh thần NĐ 79/2007/NĐ – CP, nêu lên thực trạng và thách thức trong quản lý nhà nước đối với hoạt động của chính quyền huyện Hoài Đức và ngành tư pháp thành phố Hà Nội.

- Luận văn thạc sỹ quản lý hành chính công *"Quản lý nhà nước về chứng thực trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội*" của tác giả Phan Thanh Hương [18]. Luận văn đã phân tích hoạt động chứng thực và nội dung quản lý nhà nước về chứng thực theo tinh thần NĐ 79/2007 NĐ- CP.

- *Quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực ở nước ta hiện nay và những vấn đề đặt ra*, Đặng Văn Trường [32] – Quản lý nhà nước – Học viện Hành chính Quốc gia số 1/2010 .

- Quyết định 07/QĐ-TTR ngày 01/4/2013 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch thanh tra được ban hành kèm theo Quyết định thanh tra số 05/QĐ-TTR ngày 22/3/2013 của Chánh Thanh tra Bộ

Tư pháp về thanh tra chuyên ngành công tác hộ tịch trong nước và chứng thực tại thành phố Hà Nội từ ngày 02/4/2013 đến ngày 30/5/2013 [29].

- Thành ủy Hà Nội, Chương trình 08-CTr-TU ngày 18/10/2011 của Thành ủy Hà Nội về *" Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2011-2015*" [30].

- Đặc San: *"Đặc san tuyên truyền pháp luật số 02/2015 chủ đề pháp luật về chứng thực"* của tác giả Vũ Thị Thảo [39] . Đặc san đã cho khái niệm về chứng thực, phân biệt giữa công chứng và chứng thực. Đặc san phân tích hoạt động chứng thực và nội dung quản lý nhà nước về chứng thực theo tinh thần Nghị Định 23/2015/NĐ – CP ngày 16/02/2015 của Chính Phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Những tài liệu trên đã tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau làm rõ vấn đề chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên trong 10 năm trở lại đây chưa có đề tài nào nghiên cứu về quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích của luận văn là: Làm rõ cơ sở lý luận, đi sâu vào phân tích đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Chỉ ra ưu điểm, nhược điểm trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quân Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Để hoàn thành mục đích trên, luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ:

Một là: Phân tích tổng quan chung về cơ sở lý luận quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường.

Hai là: Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó.

Ba là: Trên cơ sở nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu: Quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề về quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội từ năm 2010 đến nay. Theo QĐ 5434/QĐ-UBND của Thành phố Hà Nội ngày 21/6/2009 [37] nội dung luận văn chủ yếu tập trung vào quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Cụ thể:

Phạm vi quy mô: Tại các UBND phường thuộc quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Phạm vi thời gian: từ 2010 tới nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận*: Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mac - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và pháp luật của Nhà nước, chương trình cải cách nền hành chính đặc biệt là cải cách thể chế hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020.

- *Phương pháp được sử dụng để nghiên cứu*: phương pháp phân tích, diễn dịch, quy nạp, phương pháp hệ thống, phương pháp so sánh…

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Ý nghĩa lý luận: Luận văn góp phần đưa cái nhìn tổng thể, có hệ thống về hoạt động chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường theo quy định của pháp luật hiện hành. Luận văn sẽ đưa ra một cái nhìn tổng thể quản lý về chứng thực gắn liền với việc triển khai cơ chế " Một cửa", dưới góc độ là quản lý cung ứng dịch vụ công cho người dân. Làm cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực, quản lý nhà nước về chứng thực nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính giai đoạn tới.

Ý nghĩa thực tiễn: Qua phân tích đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Luận văn cho thấy những thuận lợi, khó khăn chính quyền quận Thanh Xuân đối với hoạt động quản lý chứng thực của UBND phường.Từ đó đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân nói riêng và có thể làm tài liệu tham khảo cho các quận, huyện khác trên địa bàn cả nước nói chung.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của luận văn được kết cấu thành 3 chương.

Chương I: Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về chứng thực của UBND Phường.

Chương II: Thực trạng quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Chương III: Một số định hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Chương 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC CỦA UBND PHƯỜNG

1.1. Những vấn đề chung về chứng thực

1.1.1. Khái niệm về chứng thực

Ngay từ khi mới thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, các văn bản về hoạt động chứng thực đã được ban hành để đáp ứng yêu cầu này. Các quan hệ dân sự, đất đai… những quan hệ, giao dịch không thể thiếu trong đời sống kinh tế xã hội đã được tiếp tục diễn ra bình thường trong thời kỳ chuyển chế độ. Điều này đảm bảo sự ổn định kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân và bước đầu tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chính vì vậy, có thể nói hoạt động chứng thực đã ra đời như một tất yếu của hoạt động quản lý nhà nước và là công cụ phục vụ đời sống nhân dân, kinh tế của người dân – một công cụ đáng tin cậy và có sức mạnh.

Tìm hiểu khái niệm chứng thực, có thể tiếp cận theo một số góc độ sau

- *Theo Tiếng anh*, chứng thực (Certify) có nghĩa là chính thức chứng nhận.

- *Theo Từ điển tiếng việt thông dụng* do Nhà xuất bản giáo dục ấn hành năm 1995, chứng thực là xác nhận đúng sự thật.

Tuy nhiên chúng ta có thể hiểu chung nhất về hoạt động chứng thực là việc tổ chức hoặc cá nhân với tư cách là người làm chứng xác nhận tính chính xác, tính có thực của các giấy tờ, văn bản được chứng thực so với bản chính; xác nhận tính chính xác, tính có thực của chữ ký được chứng thực là chữ ký của một cá nhân cụ thể, là cơ sở phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch của các cá nhân, tổ chức trong xã hội được dễ dàng, thuận tiện. Ở đây chủ thể của

việc thực hiện chứng thực có thể là tổ chức, cá nhân với tư cách là người làm chứng và sự chứng nhận mang tính khách quan.

- *Theo khía cạnh khác*, trên diễn đàn khoa học hành chính công ở Việt Nam hiện nay, ở bình diện chung, nhiều nhà khoa học nhìn nhận chứng thực như một loại dịch vụ công mà nhà nước cung ứng cho công dân để phục vụ đời sống xã hội hàng ngày. Cách tiếp cận này còn khá mới mẻ ở Việt Nam, coi người dân là " Khách hàng " và Nhà nước có nghĩa vụ cung ứng, phục vụ nhân dân. Quan điểm này có tính hợp lý và không chỉ ngày càng được thừa nhận rộng rãi mà còn được cụ thể hóa trong các chương trình, cương lĩnh của Đảng, pháp luật của nhà nước, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay chúng ta đang tích cực xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, chuyển dần từ nền hành chính truyền thống mang nặng tính "*Cai trị* " sang mô hình nền hành chính hiện đại – nền hành chính " *Phục vụ*". Nhà nước ta là nhà nước của dân, cán bộ, công chức là công bộc của dân, hết lòng chăm lo lợi ích của dân. Điều này có nghĩa, nếu coi chứng thực là một loại dịch vụ công mà nhà nước có trách nhiệm phải cung ứng cho người dân, thì ở khía cạnh kia nhà nước phải quản lý chứng thực sao cho tốt, để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công của mình, đáp ứng tốt nhu cầu của công dân, phục vụ sự phát triển của xã hội.

Đây cũng chính là " kim chỉ nam" cho sự đổi mới về công tác cải cách tư pháp hiện nay, trong đó nội dung cải cách công tác chứng thực (cùng với giám định tư pháp, trợ giúp pháp lý, và một số nội dung khác thuộc nội dung bổ trợ tư pháp). Quan điểm khoa học hành chính công sẽ được đề cập sâu hơn ở phần sau để minh chứng cho việc thực hiện cải cách chứng thực khi mà vấn đề chứng thực được phân cấp mạnh cho cấp xã.

- Theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam

Theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch [13] quy định.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

"*Chứng thực bản sao từ bản chính*" là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.

"*Chứng thực chữ ký*" là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực.

"*Chứng thực hợp đồng, giao dịch*" là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

" *Bản chính"* là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lần đầu, cấp lại, cấp khi đăng ký lại; những giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan tổ chức có thẩm quyền

Điều 18: Giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao từ bản chính

1. Bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.
2. Bản chính giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

** Đối tượng được thực hiện chứng thực*

Như vậy, Điều 2 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch [13] quy định việc chứng thực bao gồm nhiều nội dung: chứng thực bản sao từ bản chính,

chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng giao dịch. Như đã trình bày ở phần " Đối tượng, phạm vi nghiên cứu*", luận văn chỉ nghiên cứu chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký* thuộc thẩm quyền UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

UBND phường chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký là hoàn toàn phù hợp theo QĐ 5434/QĐ-UBND của Thành phố Hà Nội ngày 21/6/2009 [37] quy định:

Điều 1. Các tổ chức hành nghề công chứng (Văn phòng công chứng, phòng công chứng) được thực hiện công chứng tất cả các hợp đồng giao dịch của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Công chứng và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối với các huyện, nơi chưa có tổ chức hành nghề công chứng hoạt động thì người tham gia hợp đồng, giao dịch tùy theo điều kiện có thể lựa chọn công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố hoặc chứng thực tại UBND xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

Trên địa bàn quận Thanh xuân hiện nay có phòng công chứng số 4 TP Hà Nội - Tầng 1 nhà N4Đ, đường Lê Văn Lương, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính và rất nhiều phòng công chứng, văn phòng công chứng trên toàn thành phố Hà Nội.

* *Mục đích của những văn bản, giấy tờ được chứng thực*

Việc thực hiện hoạt động chứng thực có ý nghĩa rất lớn trong đời sống hàng ngày của mọi người. Văn bản, giấy tờ được chứng thực sẽ là căn cứ để:

- Xác nhận bản phô tô là đúng với bản chính, tránh tẩy xóa, sửa chữa so với bản chính.
- Dùng cho nhiều mục đích cùng lúc thay cho bản chính chỉ có 01 bản
- Đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.

- Đảm bảo tính hiệu quả, an toàn và hợp pháp cho các giao dịch, tránh xảy ra tranh chấp khi có sự sai sót khi nộp và đối chiếu hồ sơ.

** Phân biệt hoạt động chứng thực và hoạt động công chứng*

Công chứng và chứng thực là hai khái niệm, hai hoạt động hoàn toàn khác nhau. Tuy vậy, đến nay vì một số lý do khác nhau nên vẫn tồn tại sự nhầm lẫn, đồng nhất hai hoạt động này với nhau, khiến cho quá trình tuyên truyền pháp luật về công chứng, chứng thực đến người dân gặp không ít khó khăn.

Ta có thể so sánh hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực theo một số tiêu chí sau:

Tiêu chí	**Công chứng**	**Chứng thực**
Khái niệm	Là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản, tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc ngược lại mà theo quy định pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng. (Khoản 1 Điều 2 Luật công chứng 2014)	- "*Chứng thực bản sao từ bản chính*" là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính. - "*Chứng thực chữ ký*" là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực.

		- "*Chứng thực hợp đồng, giao dịch*" là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. (Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP)
Thẩm quyền	Do cơ quan bổ trợ tư pháp thực hiện. - Phòng công chứng (do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng). - Văn phòng công chứng (do 02 công chứng viên hợp danh trở lên thành lập theo loại hình tổ chức của công ty hợp danh, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính bằng nguồn thu từ phí công chứng, thù lao công chứng và các nguồn thu hợp pháp khác).	Chủ yếu cho cơ quan nhà nước thực hiện. - Phòng Tư pháp. - UBND xã, phường. - Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự và Cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. - Công chứng viên. Tùy từng loại giấy tờ mà thực hiện chứng thực ở các cơ quan khác nhau.

Bản chất	- Bảo đảm nội dung của một hợp đồng, một giao dịch, công chứng viên chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch đó và qua việc bảo đảm tính hợp pháp để giảm thiểu rủi ro. - Mang tính pháp lý cao hơn.	- Chứng nhận sự việc, không đề cập đến nội dung, chủ yếu chú trọng về mặt hình thức.
Giá trị pháp lý	- Văn bản công chứng có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng. - Hợp đồng, giao dịch được công chứng có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan; trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng, giao dịch có thỏa thuận khác. - Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu. - Bản dịch được công chứng có giá trị sử dụng như giấy tờ được dịch.	- Bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. - Chữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản. - Hợp đồng, giao dịch được chứng thực có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Theo phân tích ở trên, trong khi chứng thực vẫn là dịch vụ công do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện thì công chứng được xã hội hóa. Các Phòng công chứng nhà nước nay được chuyển thành các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở Tư pháp; còn khu vực tư nhân, các Văn phòng công chứng được thành lập dưới hình thức là các doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh.

Hiện nay hoạt động chứng thực dần đi vào vào cuộc sống, tách biệt với hoạt động công chứng. Cần phải tuyên truyền để người dân hiểu rõ hơn khi nào cần chứng thực, khi nào cần công chứng, đó cũng là cách để công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực và công chứng trở nên thuận tiện hơn.

1.1.2. Chủ thể thực hiện hoạt động chứng thực

Theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch [13]. Chủ thể thực hiện hoạt động chứng thực bao gồm:

1. Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Phòng Tư pháp) có thẩm quyền và trách nhiệm:

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản;

c) Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài;

d) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;

đ) Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.

Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thực hiện chứng thực các việc quy định tại Khoản này, ký chứng thực và đóng dấu của Phòng Tư pháp.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có thẩm quyền và trách nhiệm:

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch;

c) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;

b) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai;

đ) Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở;

e) Chứng thực di chúc;

g) Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản;

h) Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là tài sản quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản này.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự và Cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là Cơ quan đại diện) có thẩm quyền và trách nhiệm

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản;

c) Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài;

Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự ký chứng thực và đóng dấu của Cơ quan đại diện.

4. Công chứng viên có thẩm quyền và trách nhiệm:

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch;

Công chứng viên ký chứng thực và đóng dấu của Phòng công chứng, Văn phòng công chứng (sau đây gọi chung là tổ chức hành nghề công chứng).

1.1.3. Tổ chức bộ máy chứng thực của UBND phường

Chủ thể của công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực trên địa bàn quận Thanh Xuân là trách nhiệm của chính quyền: UBND quận Thanh Xuân, UBND các phường trên địa bàn quận Thanh Xuân. Trên nguyên tắc tổ chức và hoạt động quản lý hành chính nhà nước, nhiệm vụ này được phân công, phân cấp cho các cơ quan chuyên môn và cán bộ chuyên trách trực tiếp quản lý ở đây là phòng Tư pháp của quận, và cán bộ Tư pháp của các phường. Trong đó phòng tư pháp là " đầu mối" quản lý hoạt động chứng thực ở quận đối với các phường, còn mỗi UBND phường là " chủ thể" quản lý trên địa bàn. Mỗi cơ quan có thẩm quyền quản lý về chứng thực được pháp luật quy định có thẩm quyền và trách nhiệm cụ thể, không chồng chéo đảm bảo sự tách bạch và khoa học trong quản lý.

Theo quy định của pháp luật, phòng Tư pháp quận Thanh Xuân là cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận Thanh Xuân, giúp UBND quận thực

hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp, bao gồm: Xây dựng văn bản pháp luật, kiểm tra và xử lý văn bản pháp luật, phổ biến giao dục pháp luật thi hành dân sự, công chứng, chứng thực, trợ giúp pháp lý, hòa giải cơ sở và công tác pháp lý khác theo sự ủy quyền của UBND quận. Phòng tư pháp chịu sự quản lý, chỉ đạo toàn diện của UBND quận, đồng thời chịu sự kiểm tra hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Sở tư pháp.

Ủy ban nhân dân phường thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực trong địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

+ Thực hiện các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị định này;

+ Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về chứng thực;

+ Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;

+ Lưu trữ sổ chứng thực, Văn bản chứng thực;

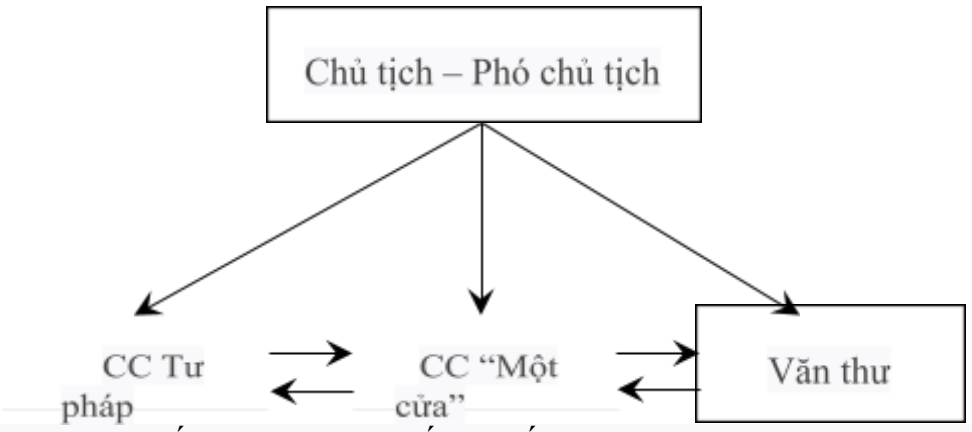
+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền;

+ Định kỳ 6 tháng và hàng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d và e Khoản này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo mẫu chữ ký khi ký chứng thực cho Sở Tư pháp.

Bộ máy chứng thực tại UBND phường được thể hiện qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1 Bộ máy chứng thực tại UBND phường.



Bộ máy là sự kết hợp hài hòa thống nhất của các chức danh tạo nên một thể thống nhất, một quy trình chứng thực sao cho công dân đi làm hồ sơ với thời gian nhanh nhất. Trong đó

* *Chủ tịch – Phó chủ tịch:* là lãnh đạo đại diện cho chính quyền cơ sở với nhiệm vụ chính trong công tác chứng thực là nhiệm vụ ký chứng thực

- Làm đại diện lãnh đạo (QMR) Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 tại UBND phường .
- Tham gia giám sát, phân công sự phối hợp chặt chẽ giữa các chức danh trong quá trình thực hiện chứng thực.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền: thái độ tiếp dân của công chức, về thời gian lấy hồ sơ …
- Giám sát, đôn đốc cán bộ tư pháp, " một cửa" thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.
- Tạo điều kiện để công chức tham gia tập huấn đầy đủ, có cơ hội học tập nâng cao chuyên môn.

* *Công chức Tư pháp:*

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng dẫn của các cơ quan tư pháp cấp trên theo tinh thần Nghị định 79/2007/NĐ-CP và sau là Nghị định 23/2015/NĐ-CP về chứng thực.

- Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về chứng thực

- Tham mưu giúp UBND phường triển khai thực hiện nhiệm vụ chứng thực đạt hiệu quả,

- Thực hiện việc thẩm tra hồ sơ chứng thực theo đúng trình tự, thủ tục, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm giúp Uỷ ban nhân dân phường thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, thống kê số liệu về chứng thực định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi cho Uỷ ban nhân dân cấp quận theo đúng nội dung, thời hạn được quy định.

- Được tham gia các buổi tập huấn do quận, sở tư pháp tổ chức để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ

- Thường xuyên cập nhật kiến thức, pháp luật về hoạt động chứng thực theo quy định của pháp luật hiện hành

- Tham gia Ban chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là Ban ISO) của UBND phường.

** Công chức Văn phòng " Một cửa":*

- Tham gia Ban chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là Ban ISO) của UBND phường

- Tổng hợp số liệu hàng tháng để làm báo cáo với UBND phường

- Hàng năm tổ chức 01 buổi tiếp xúc với nhân dân để lấy ý kiến nhân dân về sự hài lòng khi đi làm thủ tục chứng thực tại UBND phường,

- Có thái độ hòa nhã, niềm nở, tận tình giúp đỡ nhân dân thực hiện hoạt động chứng thực, hướng dẫn nhân dân đánh giá sự hài lòng của mình thông qua thiết bị đánh giá điện tử gắn trước mỗi ô tiếp nhận hồ sơ.

- Trình lãnh đạo ký hồ sơ sau khi công chức tư pháp thẩm tra hồ sơ

- Trả hồ sơ cho công dân và thu tiền.

* *Văn thư:*

- Đóng dấu quốc huy, dấu chức danh lên văn bản để hoàn thiện hồ sơ trả cho công dân.

- Trả hồ sơ cho công dân và thu tiền.

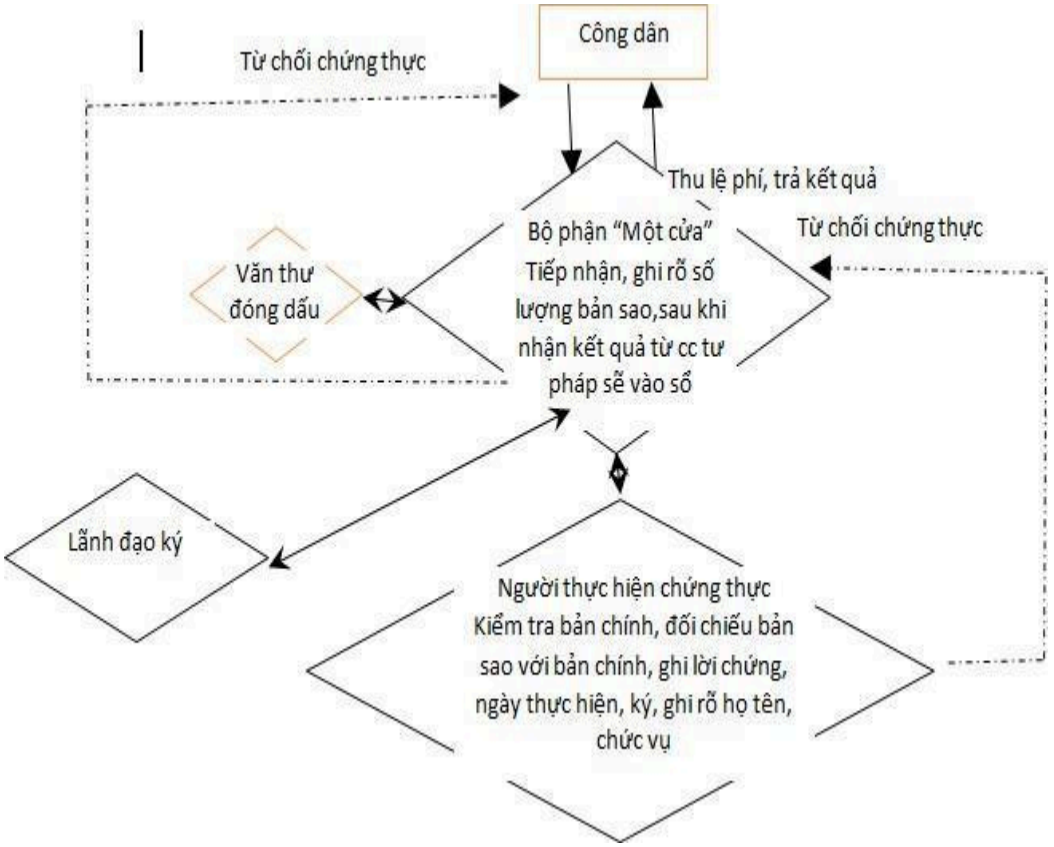
Trong quy trình thực hiện chứng thực thể hiện ở trên không thể thiếu cá nhân, tổ chức là chủ thể yêu cầu chứng thực, nếu không có công dân đến làm thủ tục chứng thực thì bộ máy trên cũng không hoạt động được, quy trình thể hiện cụ thể thông qua sơ đồ 1.2. Khi công dân muốn chứng thực hồ sơ, công dân sẽ đến làm việc trực tếp tại bộ phận " Một cửa" của UBND phường, bộ máy tổ chức chứng thực sẽ hoạt động. Công dân lấy kết quả và trả phí theo số bản chứng thực lấy về. Mỗi năm một lần sẽ có một buổi tổ chức lấy ý kiến nhân dân về hiệu quả của việc thực hiện chứng thực, sự hài lòng hoặc chưa hài lòng về kết quả chứng thực, thái độ tiếp nhận hồ sơ của cán bộ công chức. Bên cạnh đó mỗi lần thực hiện chứng thực công dân cũng có quyền lợi bày tỏ ý kiến trực tiếp đánh giá sự hài lòng hoặc chưa hài lòng trong quá trình thực hiện công tác chứng thực của cán bộ công chức thông qua phần mềm.

Đối với mô hình hoạt động chứng thực tại UBND phường đã thể hiện đúng quy định của pháp luật, quy trình và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là ISO) nhưng có một số phường chưa tuân theo đúng quy trình. Cán bộ một cửa tiếp nhận hồ sơ sau đó làm công tác chứng thực thay cho cán bộ tư pháp, điều đó đôi khi tạo những hạn chế nhất định. Cán bộ văn

phòng hầu như không phải tốt nghiệp chuyên nghành luật, sẽ không nắm rõ

được những giá trị pháp lý, gặp lúng túng trong việc phân biệt các giấy tờ giả mạo, việc thực hiện công tác chứng thực là trái với chức danh đào tạo, tạo áp lực cho công chức một cửa cũng như tăng tính rủi ro trong hoạt động chứng thực.

Sơ đồ 1.2. Quy trình hoạt động chứng thực tại UBND phường



1.1.4. Quá trình phát triển hoạt động chứng thực từ thời kỳ đầu đổi mới năm 1986 đến nay

Có thể có nhiều cách để phân chia thành các giai đoạn của quá trình phát triển của hoạt động chứng thực, tuy nhiên tôi chọn cách tiếp cận chia theo tiến trình cải cách theo 04 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: Sự phát triển của hoạt động chứng thực trong giai đoạn từ thời kỳ đầu đổi mới năm 1986 cho đến trước thời điểm Nghị định số 75/2000/NĐ-CP có hiệu lực.

- Giai đoạn 2: Giai đoạn từ khi Nghị định số 75/2000/NĐ-CP có hiệu lực cho đến trước thời điểm Luật Công chứng năm 2006 và Nghị định số 79/2007/NĐ-CP được có hiệu lực.

- Giai đoạn 3: Từ khi Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký có hiệu lực đến trước khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 có hiệu lực.

- Giai đoạn 4: Từ khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký có hiệu lực đến nay.

Cụ thể:

- Giai đoạn 1:Sự phát triển của hoạt động chứng thực trong giai đoạn từ thời kỳ đầu đổi mới năm 1986 cho đến trước thời điểm Nghị định số 75/2000/NĐ-CP có hiệu lực

Trong thời kỳ đầu đất nước ta bước vào giai đoạn đổi mới, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường giai đoạn mới khai sinh, các giao dịch dân sự, kinh tế cũng trở nên phong phú, đa dạng hơn. Chính sự gia tăng của các giao dịch này đã tất yếu đòi hỏi phải có một cơ quan chuyên môn "gác cổng" để đảm bảo an toàn cho các giao dịch đó. Chính vì vậy, hoạt động công chứng, chứng thực ở nước ta đã được tái lập, kiện toàn và phát triển. Giai đoạn này được đánh dấu bằng sự ra đời của hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động công chứng, chứng thực ở cấp độ thông tư, nghị định. Thời kỳ này, hai hoạt động công chứng và chứng thực luôn gắn

kết chặt chẽ với nhau và cùng được điều chỉnh chung trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật.

Các văn bản điều chỉnh hoạt động chứng thực giai đoạn này bao gồm: Thông tư số 574/QLTPK ngày 10/10/1987 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác công chứng nhà nước; Nghị định số 45/HĐBT ngày 27/2/1991 về công chứng Nhà nước của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Nghị định số 31/CP ngày 18/5/1996 về tổ chức và hoạt động công chứng Nhà nước; Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 về công chứng, chứng thực . Giai đoạn này, do đặc điểm tình hình của nước ta trong thời kỳ đầu đổi mới, số lượng các Phòng Công chứng và công chứng viên còn hạn chế, (trên cả nước chỉ có hơn 100 Phòng Công chứng và hơn 300 công chứng viên), chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của người dân. Vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có thể thực hiện các yêu cầu công chứng ở những nơi chưa có Phòng Công chứng hoặc có nhưng việc đi lại còn khó khăn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã được giao nhiệm vụ chứng thực (trong đó có việc mà bản chất thuộc về hoạt động công chứng, đó là chứng thực hợp đồng, giao dịch) và những công việc chứng thực mà Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện trong giai đoạn này cũng được gọi là việc "công chứng" , VD: chứng nhận hợp đồng, giao dịch, bản sao, chữ ký… Thời kỳ này, người thực hiện chứng thực tại UBND các cấp cũng được gọi là công chứng viên

Thời kỳ này, khái niệm chứng thực cũng manh nha hình thành song còn rất mờ nhạt. Trên thực tế, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội chỉ biết đến khái niệm "công chứng" mà không biết đến khái niệm "chứng thực". Chính điều này đã dẫn đến tình trạng người dân đổ dồn về các Phòng Công chứng để yêu cầu công chứng bản sao, gây ra tình trạng quá tải, ách tắc tại các Phòng công chứng trong một thời gian dài (giai đoạn này Ủy ban nhân dân cấp huyện cũng có thẩm quyền chứng thực bản sao nhưng rất ít người biết

đến, thậm chí có trụ sở UBND cấp huyện chỉ cách Phòng Công chứng vài trăm mét nhưng rất ít người đến yêu cầu chứng thực bản sao trong khi tại Phòng Công chứng thì quá tải).

- Giai đoạn 2: Từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP có hiệu lực cho đến trước thời điểm Luật Công chứng năm 2006 và Nghị định số 79/2007/NĐ-CP có hiệu lực.

Ngày 8/12/2000, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP về công chứng, chứng thực, Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2001. Giai đoạn này sự phát triển của hoạt động công chứng, chứng thực đã được nâng lên một bước, quy củ và nền nếp hơn, tuy nhiên chưa mang tính đột phá. Sự phân biệt giữa hoạt động công chứng và chứng thực chưa có sự thay đổi đáng kể so với trước đây. Điểm khác biệt lớn nhất là kể từ khi Nghị định này được ban hành thì khái niệm *" chứng thực"* mới chính thức được ra đời, tồn tại song song, độc lập bên cạnh khái niệm *" công chứng"*. Tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định này đã chỉ rõ: *"Chứng thực là việc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xác nhận sao y giấy tờ, hợp đồng, giao dịch và chữ ký của cá nhân trong các giấy tờ phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch của họ theo quy định của Nghị định này"*. Như vậy, Nghị định 75/2000/NĐ-CP đã chính thức khẳng định hoạt động chứng thực là hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Từ đây, những việc tuy có tính chất như công chứng nhưng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện thì được gọi là chứng thực.

Như vậy, ở giai đoạn này, hai hoạt động công chứng và chứng thực bước đầu đã có sự phân biệt, tuy nhiên mới chỉ dừng lại phân biệt ở chủ thể thực hiện, chưa căn cứ vào hành vi, tính chất công việc. Ví dụ cùng một loại việc nhưng nếu do Phòng Công chứng thực hiện thì được gọi là công chứng, do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện thì được gọi là chứng thực.

Nghị định số 75/2000/NĐ-CP đã đưa hoạt động chứng thực, đặc biệt là hoạt động chứng thực hợp đồng, giao dịch ở nước ta đi vào nền nếp và có những đóng góp tích cực trong việc đáp ứng nhu cầu chứng thực của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên mọi vùng miền, đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn…, góp phần phòng ngừa tranh chấp, vi phạm pháp luật, thúc đẩy sự phát triển của các giao dịch dân sự, kinh tế. nhưng Nghị định 75/2000/NĐ-CP không có sự phân định rõ thẩm quyền chứng nhận của công chứng với thẩm quyền thị thực hành chính của Ủy ban nhân dân. Cụ thể là có một số loại việc tương đối phức tạp nhưng vẫn được giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chứng thực mà đáng lẽ ra những việc đó chỉ nên giao cho cơ quan công chứng chứng nhận (VD: chứng nhận hợp đồng, kể cả hợp đồng mà đối tượng là bất động sản, chứng thực di chúc…) hoặc có những việc đơn giản như chứng thực bản sao vẫn được giao cho Phòng Công chứng, trong khi các Phòng Công chứng giai đoạn này đều đang quá tải. Nhiều chủng loại hợp đồng, giao dịch dân sự cùng được chứng nhận tại cả Phòng Công chứng và tại UBND cấp huyện tùy theo địa hạt và tùy theo giá trị tài sản ghi trong hợp đồng.

Tuy nhiên, cả về mặt lý luận và thực tiễn đều cho thấy việc giao nhiệm vụ chứng nhận một số hợp đồng dân sự cho Ủy ban nhân dân cấp huyện cũng như việc giao cho công chứng viên chứng nhận bản sao giấy tờ tài liệu còn có một số mặt chưa thực sự phù hợp trong giai đoạn này, từ đó làm quá tải các Phòng Công chứng, gây phiền hà cho công dân khi yêu cầu chứng nhận các việc giản đơn và các công chứng viên không có thời gian để tập trung vào nhiệm vụ chính là công chứng hợp đồng, giao dịch.

Có thể nói, giai đoạn này hoạt động công chứng/chứng thực chưa thực hiện tốt vai trò của mình với tư cách là công cụ pháp lý hỗ trợ sự phát triển triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngược lại, hoạt động công chứng/chứng

thực giai đoạn này phần nào đó còn kìm hãm sự phát triển của các quan hệ kinh tế - xã hội.

- Giai đoạn 3: Từ khi Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký có hiệu lực đến trước khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 có hiệu lực.

Thực hiện chủ trương tách bạch giữa hoạt động công chứng và chứng thực theo Nghị quyết số 49/NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, ngày 29 tháng 11 năm 2006 Quốc hội Khóa XI tại kỳ họp thứ 10 đã thông qua Luật Công chứng điều chỉnh tổ chức và hoạt động công chứng. Hoạt động chứng thực được điều chỉnh bởi Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2007. Nghị định Số 79/2007/NĐ-CP được xây dựng bám sát các quan điểm như kế thừa và phát triển những quy định của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP về chứng thực; quán triệt tinh thần cải cách hành chính nhằm bảo đảm thuận lợi cho nhân dân theo hướng mở rộng chủ thể có thẩm quyền chứng thực, xác định rõ phạm vi của hoạt động chứng thực, đơn giản hoá trình tự, thủ tục chứng thực; thực hiện phân cấp, ủy quyền mạnh mẽ cho Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện các việc chứng thực; nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc giải quyết nhu cầu về chứng thực của nhân dân, giải quyết triệt để tình trạng ách tắc, phiền hà, tiêu cực trong hoạt động chứng thực.

Nghị định 79/2007/NĐ-CP gồm 4 Chương, 25 Điều quy định cụ thể về giá trị pháp lý của bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính, chữ ký được chứng thực; thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức

tiếp nhận bản sao; lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực; trình tự, thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; quản lý nhà nước về chứng thực. Đề đáp ứng yêu cầu phát triển của thực tiễn, Ngày 20/01/2012 Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2012/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP, Ngày 02/02/2012 Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2012/NĐ-về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực. Riêng đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch của Ủy ban nhân dân cấp huyện và UBND cấp xã tại những địa bàn chưa chuyển giao việc chứng thực hợp đồng, giao dịch cho các tổ chức hành nghề công chứng, vẫn tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 75/2000/NĐ-CP.

- Giai đoạn 4: Từ khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký có hiệu lực đến nay.

Nghị định 23/2015/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/4/2015. Những quy định mới về thời gian, thủ tục chứng thực của nghị định đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện giao dịch hay yêu cầu chứng thực. Những điểm mới của Nghị định 23 như rút ngắn thời gian thực hiện chứng thực, tăng thẩm quyền cho UBND cấp xã, đơn giản thủ tục… đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi yêu cầu chứng thực hoặc thực hiện các hợp đồng, giao dịch dân sự, nhất là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, những nơi chưa có phòng hoặc văn phòng công chứng. Về thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực bản sao từ bản chính, Nghị định đã phân định rõ ràng về thẩm quyền chứng thực giữa phòng tư pháp cấp huyện và UBND cấp xã. Đối với chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản, hợp đồng giao dịch, phòng tư pháp và UBND cấp xã có thẩm quyền như nhau, không phân biệt về ngôn ngữ của giấy tờ, văn bản. Đối với trường hợp quy định nộp bản sao, cơ quan, tổ chức

có trách nhiệm tiếp nhận bản sao, không được yêu cầu nộp bản sao có chứng thực, nhưng có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu; người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Thời hạn chứng thực được rút ngắn đáng kể khi quy định phải thực hiện yêu cầu chứng thực ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận sau 15 giờ. Nghị định tạo điều kiện, đồng thời tăng trách nhiệm cho người dân bởi quy định người yêu cầu chứng thực chữ ký phải chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản mà mình yêu cầu chứng thực chữ ký. Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm tính xác thực về chữ ký của người yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản. Thực tế, quy định này sẽ không phát sinh vướng mắc, nếu giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực sẽ ký vào được lập bằng tiếng Việt. Tuy nhiên, nếu giấy tờ, văn bản đó được lập bằng tiếng nước ngoài thì người thực hiện chứng thực khó có thể hiểu được nội dung của giấy tờ, văn bản đó để giải quyết, có thể từ chối chứng thực. Tuy nhiên, nếu từ chối chứng thực lại ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân. Đối với hợp đồng giao dịch, Nghị định 23 quy định, người yêu cầu chứng thực chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch quy định. Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Ngày 20/6/2014 Quốc hội nước ta đã thông qua Luật Công năm 2014 đã giao trở lại cho tổ chức hành nghề công chứng thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và thẩm quyền công chứng bản dịch. Có thể nói, việc giao trở lại cho tổ chức hành nghề công chứng các thẩm quyền này là phù hợp với tình hình hiện nay, một mặt vừa tạo thêm một "kênh" để người dân lựa chọn, một mặt vừa tạo điều kiện cho các tổ chức hành nghề công chứng duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động.

Về lý thuyết, sự ra đời của Nghị định 23/2015/ NĐ-CP và Luật công chứng năm 2014 là một giải pháp tích cực đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính hiện nay là phân biệt rõ chức năng của cơ quan nhà nước công quyền (các cơ quan chứng thực) với các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công(phòng công chứng, văn phòng công chứng)

Như vậy có thể nói từ khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP ra đời đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ và sự phân biệt rõ ràng về thẩm quyền chứng thực, tạo điều kiện thuận lợi cho người có yêu cầu chứng thực.

1.2. Quản lý nhà nước về chứng thực

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của quản lý nhà nước về chứng thực

- Khái niệm quản lý nhà nước về chứng thực

Để tìm hiểu khái niệm *quản lý nhà nước về chứng thực*, cần xem xét một số khái niệm liên quan.

+ Khái niệm "quản lý "

Quản lý là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm chỉ huy, điều hành, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi của cá nhân hướng đến mục đích hoạt động chung và phù hợp với quy luật khách quan. Quản lý là một quá trình bao gồm tất cả các khâu: Lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra và giám sát. Hoạt động quản lý bắt nguồn từ sự phân công, hợp tác lao động, là một hoạt động khách quan nảy sinh khi cần có nỗ lực tập thể để thực hiện mục tiêu chung. Quản lý diễn ra ở mọi tổ chức, từ phạm vi nhỏ đến phạm vi lớn, từ đơn giản đến phức tạp. Trình độ xã hội hóa càng cao, yêu cầu quản lý càng cao và vai trò của nó càng tăng lên.

+ Khái niệm "quản lý nhà nước "

Quản lý nhà nước, hiểu theo nghĩa rộng, là hoạt động được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước: Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân, các hiệp hội ... Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước là

hoạt động chấp hành và điều hành được đặc trưng bởi các yếu tố có tính tổ chức; được thực hiện trên cơ sở và để thi hành pháp luật; được bảo đảm thực hiện chủ yếu bởi hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước (hoặc một số tổ chức xã hội trong trường hợp được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước).

Trong xã hội, tồn tại rất nhiều chủ thể tham gia quản lý xã hội như: Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, … trong đó quản lý nhà nước mang những đặc điểm khác biệt như:

Thứ nhất, chủ thể quản lý nhà nước là các cơ quan trong bộ máy nhà nước thực hiện chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Thứ hai, đối tượng quản lý của nhà nước là toàn thể nhân dân, bao gồm toàn bộ dân cư của nhà nước ấy, sống và làm việc trong và ngoài lãnh thổ quốc gia, cả những người nước ngoài sống và làm việc tại quốc gia ấy.

Thứ ba, về tính đa dạng về lợi ích, quản lý nhà nước diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao nhằm thỏa mãn nhu cầu hợp pháp của nhân dân.

Thứ tư, quản lý nhà nước mang tính quyền lực nhà nước, lấy pháp luật làm công cụ quản lý là chủ yếu nhằm duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội

+ Khái niệm "quản lý nhà nước về chứng thực"

Như chúng ta đã biết theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đảm bảo quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Trên nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, quản lý nhà nước được phân loại theo phân hệ các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Theo đó, quản lý nhà nước về chứng thực thuộc loại quản lý hành chính nhà nước tức là thực thi pháp luật (hành pháp) trong lĩnh vực tư pháp, do các cơ quan hành chính

nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhằm đáp ứng các nhu cầu của người dân, xã hội.

Như vậy có khái niệm quản lý nhà nước về chứng thực [13] như sau*:*

Quản lý nhà nước về chứng thực là sự quản lý của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước đối với hoạt động cung ứng dịch vụ công, nhằm đưa các hoạt động này vào khuôn khổ pháp luật, góp phần đảm bảo an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại và các quan hệ khác, phòng ngừa vi phạm pháp luật, củng cố và tăng cường pháp chế.

- Đặc điểm

Một đặc điểm mang tính đặc thù của quản lý nhà nước về chứng thực đối với UBND phường nói riêng và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện chứng thực nói chung là hoạt động mang tính hành chính – tư pháp. Điều đó có nghĩa là qua hoạt động quản lý hành chính, các chủ thể đã thực hiện chức năng bổ trợ tư pháp, đảm bảo pháp lý cho các quan hệ pháp luật của tổ chức và công dân; đảm bảo cung cấp các căn cứ để các cơ quan tư pháp giải quyết các vụ việc, vụ án theo trình tự tố tụng.

Công tác hành chính tư pháp bao gồm: chứng thực, hộ tịch, quốc tịch và lý lịch tư pháp là những lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp.

Quản lý hành chính – tư pháp được hiểu là: Quá trình tổ chức, điều hành của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước đối với hoạt động hành chính – tư pháp, dựa trên các quy luật khách quan của đời sống kinh tế - xã hội, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, duy trì và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đồng thời góp phần hỗ trợ tích cực cho hoạt động tư pháp.

Hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước mang tính thường xuyên, liên tục, và tương đối ổn định, là cầu nối trực tiếp nhất đưa đường lối chính sách, pháp luật vào cuộc sống. Thẩm quyền của cơ quan hành chính Nhà nước chỉ giới hạn trong phạm vi hoạt động chấp hành và điều hành. Thẩm quyền của cơ quan hành chính Nhà nước chủ yếu được quy định trong các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy Nhà nước hoặc trong những quy chế.

Cơ quan hành chính nhà nước sử dụng quyền lực nhà nước có quyền đơn phương ra quyết định (không cần phải thỏa thuận với đối tượng bị quản lý) nhưng quyết định này phải được ban hành trong phạm vi thẩm quyền luật định, vì lợi ích chung của Nhà nước, của xã hội. Quyết định đơn phương của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các đối tượng quản lý có liên quan và được bảo đảm thi hành bằng cưỡng chế nhà nước.

1.2.2. Nội dung, yêu cầu của quản lý nhà nước về chứng thực

- *Quản lý nhà nước về chứng thực chủ yếu tập trung các nội dung sau:*

+ Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực,

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch, định hướng về hoạt động chứng thực.

+ Phổ biến, giáo dục pháp luật về chứng thực,

+ Thực hiện chứng thực,

+ Quản lý hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động chứng thực,

+ Đào tạo bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực,

+ Kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động chứng thực,

+ Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho một số hoạt động chứng thực,

+ Hợp tác quốc tế về chứng thực,

+ Thống kê nhà nước về chứng thực,

+ Tổng kết hoạt động chứng thực, báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về hoạt động chứng thực.

- Một số yêu cầu của quản lý nhà nước về chứng thực bao gồm:

+ Đảm bảo pháp chế

Đây là yêu cầu mang tính nguyên tắc. Quản lý nhà nước về chứng thực phải được thực hiện theo quy trình thủ tục đã được pháp luật quy định, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về hoạt động chứng thực. Người dân đến yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung chứng thực, chỉ được chứng thực những nội dung mà pháp luật không cấm. Cán bộ, công chức giải quyết nhu cầu chứng thực của người dân phải chịu trách nhiệm về việc chứng thực của mình; giải quyết thỏa đáng quyền lợi của người dân nhưng phải đảm bảo đúng pháp luật.

Những hành vi vi phạm pháp luật trong chứng thực đều bị xử nghiêm minh theo pháp luật.

+ Đảm bảo tính có trách nhiệm.

Người quản lý chứng thực cần phải có trách nhiệm với công việc của mình. Người cán bộ lãnh đạo, quản lý có trách nhiệm thường tích cực đi sâu, đi sát, lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của quần chúng để tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh, giải quyết triệt để những hạn chế, tồn tại của ngành, của địa phương mình. Đồng thời phải tích cực kiểm tra, đôn đốc cán bộ cấp dưới thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình quản lý thiếu tinh thần trách nhiệm thường không phân công, phân cấp rõ ràng; không chủ động, sáng tạo, có khi còn làm trái, làm

qua loa, hình thức khiến cho hiệu quả công việc bị hạn chế, nhiều quyết sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước không đi vào cuộc sống.

+ Tính đúng thẩm quyền

"Thẩm quyền" là một khái niệm quan trọng, trung tâm của khoa học pháp lý. Có thể nói, không có thuật ngữ nào được sử dụng phổ biến trong pháp luật như thuật ngữ "thẩm quyền". "Thẩm quyền chuyên môn" và "thẩm quyền pháp lý" đều quan trọng đối với quản lý nhà nước và có quan hệ với nhau rất chặt chẽ. Thẩm quyền chuyên môn của cơ quan thực chất được bảo đảm thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn, bố trí, sắp xếp cán bộ theo các tiêu chuẩn, yêu cầu nhất định và cũng dần dần được thể chế hoá thành pháp luật ở một mức độ nào đấy. Tuy nhiên trong khoa học, pháp luật và thực tiễn thuật ngữ "thẩm quyền" thường vẫn được hiểu với nghĩa là thẩm quyền pháp lý. trách nhiệm không phải là yếu tố của thẩm quyền, mà là hậu quả của việc thực hiện không đúng thẩm quyền. Trách nhiệm luôn phải được quy định tương xứng với thẩm quyền, thẩm quyền càng lớn trách nhiệm càng phải cao, nếu không sẽ dẫn đến tình trạng lạm quyền, vô trách nhiệm

Trong quản lý nhà nước về chứng thực cần phải phân rõ thẩm quyền để tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, tránh đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan thực hiện.

1.2.3. Chủ thể quản lý nhà nước về chứng thực

Theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19/6/2015, Chủ thể quản lý nhà nước về chứng thực bao gồm:

+ Chính phủ (số 76/2015/QH13 của Quốc Hội ngày 19/6/2015)

+ Bộ Tư pháp trong quản lý nhà nước về chứng thực(Điều 41 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015)

+ Bộ Ngoại giao trong quản lý nhà nước về chứng thực (Điều 42 Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/2/2015)

+ Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về chứng thực (Điều 43 Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/2/2015)

Cụ thể:

- *Chính phủ*

1. Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và của chính quyền địa phương; kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái Hiến pháp và pháp luật.

2. Quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật; thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án.

4. Tổng hợp đánh giá tình hình thi hành Hiến pháp, pháp luật và báo cáo với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật.

- *Bộ Tư pháp trong quản lý nhà nước về chứng thực*

Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chứng thực trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Soạn thảo, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực;

2. Hướng dẫn, chỉ đạo chung việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực;

3. Kiểm tra, thanh tra hoạt động chứng thực; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền;

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực;

5. Hợp tác quốc tế về chứng thực;

6. Hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu các việc về chứng thực báo cáo Chính phủ.

- *Bộ Ngoại giao trong quản lý nhà nước về chứng thực*

1. Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực đối với các Cơ quan đại diện, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra về công tác chứng thực tại các Cơ quan đại diện;

b. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự làm công tác chứng thực tại các Cơ quan đại diện;

c. Hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực của các Cơ quan đại diện gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp;

d. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền.

2. Cơ quan đại diện thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực trong phạm vi địa bàn, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của Cơ quan đại diện theo quy định tại Nghị định này;

b) Lưu trữ sổ chứng thực, Văn bản chứng thực;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền;

d) Hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực báo cáo Bộ Ngoại giao theo quy định.

Viên chức lãnh sự, viên chức ngoại giao làm công tác chứng thực có trách nhiệm giúp Cơ quan đại diện thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b và d Khoản 2 Điều này.

- *Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về chứng thực*

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực trong địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực tại địa phương;

b) Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã và công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về chứng thực;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực trong phạm vi địa phương, đáp ứng yêu cầu cung cấp và trao đổi thông tin;

đ) Kiểm tra, thanh tra hoạt động chứng thực của Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức hành nghề công chứng; có biện pháp chấn chỉnh tình hình lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền;

g) Định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực trong địa phương, báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và g của Khoản này.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực trong địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về chứng thực;

c) Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;

d) Lưu trữ sổ chứng thực, Văn bản chứng thực;

đ) Kiểm tra, thanh tra hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã; có biện pháp chấn chỉnh tình hình lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền;

g) Định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và g Khoản này và thực hiện các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của Phòng Tư pháp theo quy định của Nghị định này. Trưởng Phòng Tư pháp, Phó Trưởng Phòng Tư pháp phải thông báo mẫu chữ ký khi ký chứng thực cho Sở Tư pháp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực trong địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Theo luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 [22] thì: Xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);

UBND phường là đơn vị hành chính thuộc tổ chức chính quyền địa phương cơ sở

Điều 63. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân phường quyết định các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 61 của Luật này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường.

2. Tổ chức thực hiện ngân sách địa phương.

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

Hoạt động chứng thực là một trong những hoạt động có vai trò quan trọng trong toàn bộ hoạt động của UBND phường, cụ thể Ủy ban nhân dân phường thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực trong địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây

a) Thực hiện các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị định này;

b) Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về chứng thực;

c) Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;

d) Lưu trữ sổ chứng thực, Văn bản chứng thực;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền;

e) Định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d và e Khoản này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo mẫu chữ ký khi ký chứng thực cho Sở Tư pháp.

1.2.4. Sự cần thiết quản lý nhà nước về chứng thực

Trước tiên ta tìm hiểu về vai trò của pháp luật về chứng thực

Thứ nhất, pháp luật về chứng thực tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động chứng thực và quản lý chứng thực

Căn cứ vào các quy định của pháp luật về chứng thực, cơ quan, tổ chức, cá nhân hiểu được quyền, nghĩa vụ của mình khi có yêu cầu chứng thực; các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực có cơ sở pháp lý để thực hiện chức năng của mình.

Thông qua hoạt động quản lý nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nắm bắt được các nhu cầu về việc sử dụng bản sao có chứng thực, giấy tờ, văn bản có chứng thực chữ ký, qua đó, đưa ra những chính sách phù hợp để điều chỉnh hoạt động này đúng với yêu cầu của quản lý, tránh việc sử dụng tràn lan gây lãng phí cho xã hội.

Thứ hai, pháp luật về chứng thực tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền lợi của công dân, tổ chức.

Do Bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản. Hợp đồng, giao dịch được chứng thực có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các

bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Vậy quản lý nhà nước về chứng thực sẽ đạt được mục đích gì?

Xét về mục đích chung, thì thông qua hoạt động chứng thực, Nhà nước cung cấp dịch vụ công nhằm đảm bảo an toàn pháp lý cho hợp đồng, giao dịch, tạo lập giá trị pháp lý cho các giấy tờ, văn bản được chứng thực phục vụ nhu cầu sử dụng, tạo sự tin tưởng vững chắc cho các tổ chức, cá nhân khi sử dụng và thực hiện thủ tục hành chính nói chung. Thực tế cũng cho thấy, việc sử dụng bản sao có chứng thực một cách hợp lý đã góp phần giảm chi phí đi lại, giảm rủi ro thất lạc bản chính giấy tờ, văn bản của người dân. Đồng thời giúp nhà nước quản lý được tốt hơn các giao dịch của công dân, tổ chức trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

Có thể nói, hoạt động chứng thực có ý nghĩa vô cùng thiết thực, không chỉ mang tính chất dịch vụ công, phục vụ lợi ích thiết thực của nhân dân, mà còn là cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép công dân, tổ chức thực hiện một cách hợp pháp các giao dịch của mình; điều kiện cần để các giao dịch dân sự được bảo đảm thực hiện trên thực tế và là cơ sở pháp lý để tòa án giải quyết cho các bên đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khi có tranh chấp xảy ra; công cụ hỗ trợ cho chức năng quản lý nhà nước trong thực tiễn quản lý, giản tiện những thủ tục có liên quan đến các loại giấy tờ cần thiết.

Hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân trong đó cải cách lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp đang được triển khai một cách đồng bộ với những mục tiêu, yêu cầu, nội dung cụ thể. Với sự phát triển của đất nước, cải cách hành chính, cải cách tư pháp cũng từng bước đáp ứng được yêu cầu trong thời kỳ hội nhập. Cải cách hành chính ngày càng đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định góp

phần vào việc xây dựng nhà nước phục vụ nhân dân. Trong đó, công tác hành chính tư pháp bao gồm hộ tịch, quốc tịch và chứng thực cũng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, thủ tục không ngừng được cải tiến tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân, cắt giảm chi phí và phiền hà cho các cá nhân, tổ chức. Chính vì vậy quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực là rất cần thiết nhằm đáp ứng sự phát triển của đất nước đi theo hướng nhà nước pháp quyền, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, tất cả quyền lợi nhà nước thuộc về nhân dân, của dân do dân và vì dân.

Tiểu kết chương 1

Kể từ ngày 01/7/2007, Luật công chứng số 82/2006/QH11 và Nghị định 79/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, hoạt động công chứng và chứng thực đã được phân biệt một cách rõ ràng trong quá trình hoàn thiện hoạt động công chứng, chứng thực trong hệ thống pháp luật ở nước ta. Theo đó phòng công chứng, không còn thẩm quyền công chứng các việc thuộc thẩm quyền chứng thực của UBND huyện và UBND cấp xã như trước đây, đồng thời thẩm quyền chứng thực được mở rộng, bao gồm: UBND cấp huyện, phòng tư pháp, UBND cấp xã, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Ngày 16/2/2015 Chính phủ ban hành Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch.Những điểm mới của Nghị định 23 như rút ngắn thời gian thực hiện chứng thực, tăng thẩm quyền cho UBND cấp xã, đơn giản thủ tục… đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi yêu cầu chứng thực hoặc thực hiện các hợp đồng, giao dịch dân sự, nhất là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, những nơi chưa có phòng hoặc văn phòng công chứng

Điều 6, Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định: Trường hợp pháp luật quy định nộp bản sao thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận bản sao không được yêu cầu chứng thực nhưng có quyền yêu cầu xuất trình bản chính

để đối chiếu; Cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính, trừ trường hợp có căn cứ về việc bản sao giả mạo, bất hợp pháp thì yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc tiến hành xác minh nếu thấy cần thiết.

Tuy nhiên,hầu hết các trường hợp cán bộ tiếp nhận hồ sơ bản sao đều yêu cầu kèm bản chính để đối chiếu đăc biệt khi nộp bản sao hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. chính vì vậy đã tạo ra nhiều vấn đề bất cập, đặt ra nhiều thách thức đối với công tác quản lý chứng thực.

Cho đến nay vẫn chưa có thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 23, dù Sở Tư pháp đã tổ chức hội nghị tập huấn nhưng việc áp dụng trên thực tế ở mộtsố địa phương vẫn còn những vướng mắc nhất định, đặt ra nhiều thách thức đối với công tác quản lý nhà nước về hoạt động chứng thực.

Chương 2:

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC CỦA UBND PHƯỜNG - TỪ THỰC TIỄN QUẬN THANH XUÂN

2.1. Khái quát về quận Thanh Xuân

2.1.1 Đặc điểm tự nhiên

Quận Thanh Xuân là một quận phía Tây nam của nội thành Hà Nội, Phía Bắc giáp quận Đống Đa và quận Cầu Giấy, phía Nam giáp quận Hoàng Mai và huyện Thanh Trì, phía Đông giáp quận Hoàng Mai và một phần nhỏ quận Hai Bà Trưng, phía Tây giáp huyện Từ Liêm và một phần nhỏ quận Hà Đông. Với diện tích: 908,3 ha, Dân số : 225,8 nghìn người, Mật độ dân số: 28.172 người/km^2, tỷ lệ tăng tự nhiên 1,056%. Đơn vị hành chính gồm 11 phường: phường Phương Liệt, phường Hạ Đình,phường Khương Đình, phường Thượng Đình, phường Kim Giang, phường Nhân Chính, phường Thanh Xuân Bắc, phường Thanh Xuân Nam, phường Thanh Xuân Trung, phường Khương Mai, phường Khương Trung. Trụ sở HĐND-UBND quận Thanh Xuân: số 9 phố Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội [35].

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa làm cho các làng xã xưa của quận Thanh Xuân có những thay đổi mạnh mẽ. Quá trình đó đã tác động không nhỏ đến mọi mặt đời sống của nhân dân địa phương. Địa bàn chuyển biến nhanh nhất phải kể đến các làng nằm ở phía Đông Bắc của quận như làng Khương Trung (thuộc phường Khương Trung, một phần phường Khương Mai); làng Phương Liệt (phường Phương Liệt); làng Thượng Đình (phường Thượng Đình - một phần Hạ Đình). Các làng nằm ở phía Tây Bắc, Đông Nam của quận như phường Nhân Chính, phường Khương Đình, Hạ Đình, sự chuyển biến có phần chậm hơn. Tuy vậy tính chất làng xã xưa còn bảo lưu khá đậm nét trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của nhân dân tại các

địa phương này. Phần phía Tây Nam của quận thuộc địa bàn các phường Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân Nam, một phần của phường Nhân Chính là nơi hình thành các nhà máy, xí nghiệp, các khu nhà ở tập thể, chung cư cao tầng, là nơi nhiều luồng cư dân từ nơi khác chuyển về sinh sống, do đó những vết tích của ruộng vườn ao hồ, làng xã cũ phần nhiều bị khỏa lấp, nếp sinh hoạt làng xã xưa trên địa bàn này cũng vì thế mà bị mai một dần.

Trong những năm vừa qua, với những thuận lợi khó khăn đan xen, tốc độ đô thị hóa theo quy hoạch của thành phố Hà Nội, đất canh tác thu hẹp dần nhường chỗ cho các khu đô thị mới, sự thay đổi này có những mặt thuận lợi song cũng gây không ít khó khăn vì nó tác động trực tiếp, toàn diện đến tất cả các linh vực kinh tế - xã hội và tập quán của nhân dân.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, Quận ủy đã xây dựng và lãnh đạo triển khai thực hiện chương trình số 02-CTr/QU về " phát triển kinh tế - xã hội quận Thanh Xuân giai đoạn 2010-2015, Kế hoạch số 50-KH/QU thực hiện chương trình số 03-CTr/TU ngày 09/9/2011 của Thành Ủy về " Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế Thủ đô tăng trưởng nhanh và bền vững"; thực hiện tốt và kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội.

Kinh tế địa bàn quận tiếp tục phát triển, đạt mức tang trưởng khá; tốc độ tăng trưởng bình quân 3,7% trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng tăng 1,9%, giá trị thương mại dịch vụ tăng 7,8%; đến năm 2015 có trên 8.00 doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động (tăng 46,44% so với năm 2010), 10.200 cơ sở kinh doanh cá thể (tăng 77,82% so với năm 2010). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng công nghiệp, do các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn di dời dần cơ sở sản xuất ra

ngoại thành theo chủ trương của Chính Phủ; tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ, do cơ sở hạ tầng đô thị được đầu tư, số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể tăng. Đến năm 2015, tỉ trọng ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 65,5% (giảm 7,5% so với năm 2010) tỉ trọng thương mại – dịch vụ chiếm 34,5% (tăng 7,5% so với năm 2010).

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, kê khai đăng ký thuế, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Chú trọng công tác quản lý thị trường, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo 127 quận (nay là ban chỉ đạo 389), thường xuyên kiểm tra, đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động sản xuất hàng giả, hàng cấm, trốn lậu thuế, gian lận thương mại, làm lành mạnh thị trường và tăng sức cạnh hàng hóa

Văn hóa – xã hội được duy trì phát triển; giáo dục đào tạo có nhiều tiến bộ; thực hiện tiến bộ chính sách xã hội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Quận ủy đã triển khai kế hoạch số 51/KH-QU thực hiện chương trình số 04-CTr/TU ngày 18/1/2011 của Thành ủy về " Phát triển văn hóa – xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2011- 2015". Phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", " Người Hà Nội thanh lịch, văn minh", được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức phong phú, hiệu quả thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tạo môi trường văn hóa lành mạnh nơi cơ sở. Bình quân hàng năm số gia đình văn hóa đạt 81,6% , tổ dân phố văn hóa đạt 72,2%. Hệ thống các thiết chế văn hóa từ quận đến cơ sở được đầu tư, cải tạo nâng cấp, xây mới 03 nhà văn hóa phường, 15 nhà hội họp khu dân cư, đến nay 09/11 phường đã có nhà văn hóa, 105 nhà hội họp khu dân cư. Giáo dục đào tạo được đầu tư theo hướng phát tiển toàn diện tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, chất lượng

đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được nâng lên theo hướng chuẩn hóa, thu hút 97% trẻ em dưới 5 tuôi vào mẫu giáo, hoàn thành giáo dục phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, 57,5% trường đạt chuẩn quốc gia. Năm 2013-2014 nghành giáo dục – đào tạo quận xếp thứ 2/30 quận, huyện Thành phố. Vấn đề an sinh xã hội được chú trọng, giới thiệu hỗ trợ giải quyết việc làm bình quân đạt 5.544 người /năm, giảm 268 hộ nghèo, trung bình giảm 30% hộ nghèo/năm, không còn hộ chính sách nghèo. Các cuộc vận động xã hội nhân đạo, từ thiện, các hoạt động tình nghĩa của đoàn thể chính trị - xã hội nghề nghiệp đi vào chiều sâu, góp phần ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội. Công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em được các cấp,các nghành coi trọng. Hàng năm 99,9% trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng các loại vắc xin theo quy định, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 8,83% năm 2010 còn 7,7% năm 2014. Đến nay 11/11 phường đều đạt chuẩn quốc gia về cơ sở y tế.

Với tốc độ phát triển kinh tế xã hội, cùng với đó là nhu cầu giao dịch của nhân dân ngày càng tăng lên. Sự phát triển mạnh của các cơ sở sản xuất kinh doanh và các cơ sở hành chính, sự nghiệp, các tổ chức hội nên nhu cầ giải quyết các giấy tờ hành chính là rất lớn, trong đó nhu cầu về chứng thực chiếm vị trí không nhỏ. Đây là một vấn đề mà các cấp chính quyền nói chung và ngành Tư pháp nói riêng phải quan tâm.

2.1.3 Những yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân hiện nay

Qua khái quát về tình hình kinh tế xã hội của quận Thanh Xuân, có thể rút ra một số nhóm yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân như sau:

- *Về phía chính quyền nghành Tư pháp quận Thanh Xuân*

Sau gần 20 năm thành lập quận Thanh Xuân, công tác quản lý Các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp của Quận đã triển khai thực hiện tốt Chương trình số 01- CTr/QU của Quận ủy về "Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, giai đoạn 2010 – 2015", Đề án số 01-ĐA/QU của quận ủy Hà Nội về "Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quận Thanh Xuân, giai đoạn 2010 – 2015". Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" và"một cửa liên thông" bước đầu đạt kết quả tốt, được xếp trong "tốp 5" trên toàn Thành phố. Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành, đặc biệt là thực hiện Đề án chính quyền điện tử quận đã góp phần đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tính minh bạch, công khai trong hoạt động của chính quyền các cấp; được xếp thứ 2 trên toàn Thành phố, có 100% thủ tục hành chính đạt mức độ 2 (230 thủ tục), trong đó 22% thủ tục hành chính đạt mức độ 3 (48 thủ tục) [25]. Tăng cường thực hiện quy chế làm việc, quan hệ phối hợp công tác giữa các phòng, ban, ngành quận và UBND các phường; thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đề cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, công chức, viên chức, vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh đó tình hình kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ nên công tác chứng thực diễn ra rất nhiều. Trình độ năng lực thực hiện chứng thực, ý thức pháp luật của cán bộ, công chức chứng thực còn nhiều hạn chế. Những thói quen, tàn dư của nền hành chính nặng tính cai trị như: tính hách dịch, quan liêu vẫn còn hiện hình ảnh hưởng không nhỏ tới sự đổi mới tổ chức hoạt động và bộ máy hành chính nơi đây. Ngoài ra sự trải rộng của địa bàn dân cư cũng ảnh hưởng nhất định tới mức độ sâu sát của công tác quản lý nhà nước.

- Về phía các đối tượng có nhu cầu chứng thực

+ Ý thức pháp luật của người dân: quận Thanh Xuân có diện tích rộng với 11 đơn vị hành chính cơ sở, trình độ dân trí không được đồng đều do có rất nhiều dân cư đến sinh sống tạm trú, làm việc. Nhiều người dân lao động vẫn mang theo thói quen phong tục tập quán ở quê nhà, theo kiểu thân quen, lệ làng với suy nghĩ là chỉ cần mang bản phô tô ra UBND mà không mang theo bản chính cũng chứng thực được. Do đó ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình quản lý nhà nước. Cần phải có những biện pháp triển khai thích hợp để hoạt động quản lý nhà nước được tốt hơn.

+ Tính gia tăng về nhu cầu chứng thực: Đây là hệ quả tất yếu của sự phát triển kinh tế - xã hội. Khi số lượng dân số ngày càng tăng, nhu cầu tham gia vào các giao dịch ngày càng nhiều, thì tất yếu phải gia tăng nhu cầu chứng thực. Quận Thanh Xuân trên địa bàn quận có 20164 doanh nghiệp, trong đó chiếm tỷ lệ nhiều nhất là các doanh nghiệp tư nhân (20.138 doanh nghiệp) và với dân số trên 250.000 dân [32], đặc biệt có nhiều trường đại học, cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp nên nhu cầu về chứng thực đã gia tăng rất nhiều để phục vụ cho các giao dịch của mỗi người dân.

Việc nhìn nhận và đánh giá đúng vị trí, vài trò của những yếu tố ảnh hường là rất cần thiết cho công tác quản lý nhà nước ở quận Thanh Xuân. Những đánh giá đó sẽ góp phần để chính quyền và nghành tư pháp Quận đưa ra những giải pháp phù hợp.

2.2. Kết quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân.

2.2.1. Cơ sở pháp lý về chứng thực cuả UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân hiện nay.

Để thực hiện hoạt động chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân có hiệu quả, đúng pháp luật phải tuân theo một số văn bản, Nghị định sau:

- *Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về Về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch*[13]. Theo đó, UBND phường có thẩm quyền chứng thực những văn bản sau:

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch;

c) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;

b) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai;

đ) Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở;

e) Chứng thực di chúc;

g) Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản;

h) Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là tài sản quy định tại các Điểm c, d và đ .

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp phường

- *Quyết định 5434/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày 21/10/2009 về phân định thẩm quyền công chứng các hợp đồng giao dịch trên địa bàn thành phố Hà Nội*[37], thể hiện:

Điều 1. Các tổ chức hành nghề công chứng (phòng công chứng, văn phòng công chứng) được thực hiện công chứng tất cả các hợp đồng, giao dịch của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật công chứng và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối với các huyện, nơi chưa có tổ chức hành nghề công chứng hoạt động thì người tham gia hợp đồng, giao dịch tùy theo điều kiện có thể

lựa chọn công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn thành phố hoặc chứng thực tại UBND xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

- *Quyết định số 5117/QĐ-UBND ngày 8/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội*[38]; quy định UBND phường sẽ thẩm quyền

Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận

Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

- *Công văn số 842/HTQTCT-CT của Bộ Tư pháp về quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực ngày 26/5/2016*[6], quy định:

Việc chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản: Trong thời gian qua, mộtsố UBND cấp xã chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản có nội dung như: cam đoan chưa kết hôn với ai (giống như giấy tuyên thệ); giấy xin xác nhận có nội dung như giấy khai sinh … mặc dù những giấy tờ này không thuộc quy định tại Điều 25 Nghị đinh 23/2015/NĐ-CP nhưng nội dung của nó là giấy tờ hộ tịch mà pháp luật quy định phải cấp theo mẫu như: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy khai sinh … Đề nghị Sở Tư pháp quán triệt, hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thực hiện chứng thực, trong trường hợp dân yêu cầu chứng thực chữ ký trong những giấy tờ có nội dung nêu trên thì đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật hộ tịch: không chứng thực chữ ký trên các giấy tờ có nội dung như vậy.

- *Công văn số 41/TP của phòng Tư pháp quận Thanh Xuân ngày 6/5/2015 về việc thực hiện Thông báo số 23/TP-STP của Sở Tư pháp* [24], quy định:

1. Nghị định 23/2015/NĐ-CP không quy định lưu hồ sơ đối với bản sao từ bản chính, tuy nhiên căn cứ Luật lưu trữ năm 2011; Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/2/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Định số 110/204/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Bộ Nội vụ quy định quản lý hồ sơ tài liệu hình thành trong hoạt động của HĐND và UBND cấp xã thì việc lưu hồ sơ vẫn tiếp tục được thực hiện.

2. UBND cấp xã và các cơ quan chứng thực theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP không có thẩm quyền chứng thực hóa đơn, chứng từ tài chính, việc sao hóa đơn, chứng từ tài chính sẽ do các cơ quan phát hành hóa đơn, chứng từ đó thực hiện theo quy định.

3. Thực hiện công văn 1847/HTQTCT- CT ngày 18/3/2015 của cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực – Bộ Tư pháp thì việc lập, mở sổ chứng thực (sổ mới) được thực hiện từ ngày 10/4/2015. Theo đó, phòng Tư pháp và UBND các phường cần mở 04 loại sổ chứng thực (theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP) mỗi việc chứng thực được ghi riêng vào 01 sổ.

Và nhiều văn bản pháp luật hiện hành khác.

2.2.2. Thành tựu đạt được trong quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Thanh Xuân.

Để xem xét, đánh giá thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân của một vấn đề, sự kiện, xã hội nhất định bên cạnh cơ sở lý luận phải luôn có luận cứ thực tiễn. Luận cứ thực tiễn sẽ đảm bảo cho việc đánh giá thực trạng, nguyên nhân của vấn đề được đúng đắn, khách quan và khoa học tránh được sự suy diễn chủ quan duy ý chí. Bằng các phương pháp phân tích, diễn dịch, quy nạp, phương pháp hệ thống, so sánh kết hợp công tác quan sát hoạt động chứng thực tại UBND các phường từ năm 2010 đến nay.

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đạt được những thành tựu sau:

- *Về công tác tổ chức chính quyền và ngành tư pháp quận Thanh Xuân*

Có thể nói, công tác tổ chức chính quyền và nghành tư pháp của quận Thanh Xuân đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản , ban đầu phục vụ cho công tác chứng thực tại UBND phường khi thực hiện chứng thực theo Nghị Định 79/2007/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2007. Nhất là nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính Phủ về việc chứng thực bản sao từ bản chính văn bản, giấy tờ bằng tiếng việt, chứng thực chữ ký/ điểm chỉ giấy tờ, văn bản bằng tiếng việt. Cụ thể:

+ Về công tác chỉ đạo, điều hành:

Là một quận mới của thành phố Hà Nội, mới được thành lập từ năm 1993 đến nay, cơ cấu kinh tế của quận đang có sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại và dịch vụ, do đó hoạt động chứng thực diễn ra mạnh mẽ . Ngay từ khi Nghị định 79/2007/NĐ-CP ra đời, UBND quận đã tích cực chủ động triển khai thực hiện đảm bảo thực hiện tốt quyền lợi của người dân. Trước hết là UBND quận giao cho phòng Tư pháp quận có trách nhiệm thực hiện tốt công tác chứng thực trên địa bàn, trong đó giao cho Trưởng phòng tư pháp trực tiếp ký chứng thực (ký thừa ủy quyền chủ tịch quận) , chủ tịch và phó chủ tịch ký chứng thực trên địa bàn các phường thuộc quận, chấp hành nghiêm chỉnh quy định trong việc chứng thực tuân theo Nghị định 79/2007/NĐ-CP và Quyết định 5434/QĐ-UBND ngày 21/10/2009 của Thành phố Hà Nội về việc phân định thẩm quyền công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch trên địa bàn

thành phố Hà Nội.

Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ ra đời đã đáp ứng nhu cầu chứng thực ngày càng cao và đa dạng trong việc chứng thực trên địa bàn quận. UBND quận đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nhằm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 5117/QĐ-UBND ngày 8/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội. UBND thành phố Hà Nội đã ra công văn 2354/UBND-NC ngày 10/4/2015 về công chứng, chứng thực các hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất nhà trên địa bàn thành phố Hà Nội. UBND quận Thanh Xuân mà đại diện là phòng tư pháp ra công văn 41/TP ngày 6/5/2015 về việc thực hiện Thông báo số 23/TP-STP của sở Tư pháp. Công văn 1847/HTQTCT- CT ngày 18/3/2015 của cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực – Bộ Tư pháp thì việc lập, mở sổ chứng thực (sổ mới) được thực hiện từ ngày 10/4/2015. Theo đó, phòng Tư pháp và UBND các phường cần mở 04 loại sổ chứng thực (theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP) mỗi việc chứng thực được ghi riêng vào 01 sổUBND quận đã kịp thời chỉ đạo phòng tư pháp , UBND các phường trên địa bàn thực hiện nghiêm túc tại địa bàn phường mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tránh gây phiền hà cho nhân dân khi có yêu cầu chứng thực.

Như vậy, sự chỉ đạo kịp thời chủ động của UBND quận Thanh Xuân trong tổ chức thực hiện chứng thực trên địa bàn quận đã tạo căn cứ pháp lý, những điều kiện thuận lợi để công tác chứng thực được triển khai nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu của người dân.

+ Về tổ chức nhân sự thực hiện chứng thực:

Phòng tư pháp quận chủ đông tham mưu với UBND quận kiện toàn và cũng cố đội ngũ cán bộ tư pháp – hộ tịch trên các UBND phường có đủ tiêu

chuẩn thực hiện nhiệm vụ. Nghành tư pháp từ quận đến cơ sở có 29 cán bộ, nhân viên, trong đó 22 công chức làm công tác hộ tịch, 04 hợp đồng. Cụ thể:

Bảng 2.1. Nhân sự Phòng tư pháp quận Thanh Xuân – Năm 2015

Chức vụ	Trưởng phòng	Phó phòng	Công chức	Lao động hợp đồng cấp Quận
Số lượng	01	01	04	01
Chuyên nghành đào tạo	Thạc sỹ Luật	Thạc sỹ luật	Đại học luật	Đại học luật

(Nguồn: Phòng Tư pháp quận Thanh Xuân năm 2015)

Công chức Tư pháp – hộ tịch 11 phường: có 19 công chức Tư pháp – hộ tịch đều đã có bằng đại học luật, 03 lao động hợp với 01 bằng đại học luật và 02 bằng Trung cấp luật. Trong những năm qua đội ngũ cán bộ tư pháp từ quận đến cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, tham mưu cho Đảng, chính quyền thực hiện tốt công tác quản lý về lĩnh vực tư pháp nhất là công tác chứng thực .

Bảng 2.2 Thống kê về cán bộ Tư pháp – hộ tịch các UBND phường tại quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội năm 2015

Về độ tuổi		
Dưới 30	2	9%
Từ 30 đến 35	3	13,7%
Từ 35 đến 40	3	13,7%
Từ 40 đến 45	7	31,8%
Từ 45 đến 50	2	0,9%
Từ 50 đến 60	5	22,8%
Trình độ chuyên nghành luật đào tạo		
Trung cấp	2	9%

Cao đẳng	0	0%
Đại học	20	81%
Số năm công tác		
Dưới 5 năm	8	36,3%
Trên 5 năm	14	63,4%
Trình độ tin học		
Đại học	0	0%
Cao đẳng	0	0%
Trung cấp	1	4,6%
Chứng chỉ	21/22	95,6%

Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội Vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn [3]quy định:

Điều 8. Nhiệm vụ của công chức Tư pháp - hộ tịch

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực tư pháp và hộ tịch trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý tủ sách pháp luật, tổ chức phục vụ nhân dân nghiên cứu pháp luật và tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn cấp xã trong việc tham gia xây dựng pháp luật;

b) Kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định; tham gia công tác thi hành án dân sự trên địa bàn cấp xã;

c) Thực hiện nhiệm vụ công tác tư pháp, hộ tịch, chứng thực, chứng nhận và theo dõi về quốc tịch trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật; phối

hợp với công chức Văn hóa - xã hội hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước ở thôn, tổ dân phố và công tác giáo dục tại địa bàn cấp xã;

d) Chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

Theo đó, việc bố trí, sắp xếp cán bộ tư pháp từ quận đến phường trên địa bàn quận Thanh Xuân làm công tác chứng thực đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội Vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn. Hàng năm số công chức, cán bộ làm công tác chứng thực đều được bồi dưỡng nghiệp vụ để thực hiện tốt Nghị định 23/2015/NĐ-CP. Ngay sau khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch, 100% cán bộ công chức thực hiện công tác chứng thực từ quận đến các phường của quận Thanh Xuân đã tham gia hội nghị triển khai thực hiện Nghị định 23/2015/NĐ-CP do sở Tư pháp tổ chức, đồng thời chỉ đạo tổ chức mở, tham gia công tác đào tạo, tập huấn cán bộ tư pháp Sở tiến hành hàng năm. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chứng thực hướng mạnh đến cơ sở. Đến nay trên địa bàn quận đều có báo cáo, tuyên truyền viên pháp luật. Sau hơn 1 năm thực hiên Nghị định 23/2015/NĐ-CP của chính phủ đã đạt được một số kết quả bước đầu. Công tác cán bộ tư pháp – hộ tịch từng bước ổn định đi vào nề nếp. Cán bộ Tư pháp – hộ tịch các phường đều xác định được tầm quan trọng của công tác chứng thực nên đã tuân thủ trình tự, thủ tục của Nghị định. Nghiệp vụ được nâng cao nên thụ lý giải quyết nhanh chóng, hướng dẫn rõ ràng cho nhân dân, do vậy từ quận đến các phường đã hạn chế việc khiếu nại của nhân dân về công tác chứng thực.

- Xây dựng bộ thủ tục chứng thực niêm yết tại UBND phường để thống nhất với cơ chế " một cửa"

Chuẩn bị cho việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại các phường theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP, bên cạnh việc cử cán bộ tư pháp thực hiện công việc chứng thực đi tập huấn các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do sở Tư pháp tổ chức, chính quyền và nghành tư pháp quận Thanh Xuân đã hoàn thiện bộ các thủ tục chứng thực tại UBND phường theo cơ chế một cửa theo Quyết định 5117/QĐ-UBND của thành phố Hà Nội ngày 8/10/2015 và theo Quyết định số 1088/QĐ-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Tư pháp , UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hiện nay lĩnh vực tư pháp thực hiện tại các phường hiện có 34 thủ tục trong đó có 02 thủ tục về chứng thực là chứng thực bản sao từ bản chính văn bản, giấy tờ tiếng việt; chứng thực chữ ký/ điểm chỉ trong các văn bản, giấy tờ tiếng việt. Mỗi thủ tục đều có sự quy định rõ về tên thủ tục, căn cứ áp dụng, hồ sơ, thời gian giải quyết, mức lệ phí thu. Đó là việc làm rất quan trọng trong việc thực hiện cơ chế một cửa tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả tại mỗi phường.

Hiện nay tất cả 11 phường trên địa bàn quận Thanh Xuân đều đã niêm yết các thủ tục chứng thực cũng như các thủ tục hành chính khác được thực hiện tại bộ phận tiếp nhận và hẹn trả kết quả thủ tục hành chính công khai trên trang web từng phường, tại bảng tin rõ ràng và cụ thể.

Như vậy về cơ bản có thể thấy việc thực hiện chứng thực theo thẩm quyền được quy định trong Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ được quận Thanh Xuân và 11 phường trên địa bàn quận duy trì thường xuyên theo cơ chế " một cửa" đảm bảo đúng pháp luật, đáp ứng nhu cầu chứng thực của

cá nhân, tổ chức.

- Thực hiện đánh giá việc thực hiện Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là Ban ISO)

Hầu hết các phường đều đã đảm bảo mỗi bộ phận được đánh giá nội bộ ít nhất 1 lần trong một năm. Đánh giá viên độc lập với công việc được đánh giá về Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là Ban ISO) để từ đó nắm bắt công tác thực hiện ISO đã đúng theo quy trình hay không. Đoàn đánh giá tiến hành đánh giá theo chương trình đã lập, bằng cách:

+ Xem xét hệ thống tài liệu được xây dựng

+ Xem xét các hồ sơ của Hệ thống quản lý chất lượng

+ Quan sát thực tế hoạt động cung cấp dịch vụ

+ Phỏng vấn

Các nội dung đánh giá được ghi nhận trong Phiếu ghi chép trong quá trình đánh giá để làm cơ sở lập báo cáo đánh giá.

Trưởng đoàn đánh giá phải theo dõi, xem xét việc thực hiện hành động khắc phục của các bộ phận có điểm không phù hợp, Báo cáo sự không phù hợp

Nếu kết quả khắc phục không đạt thì phát phiếu yêu cầu hành động khắc phục.

- Công tác phổ biến thông tin tại UBND phường

+ Công tác niêm yết:

Các phường đều có bảng niêm yết các thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả về: quy trình thực hiện, lệ phí, thời gian với từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của phường. Bên cạnh niêm yết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của phường, có phường còn niêm yết cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của quận. Bên cạnh đó, trên trang web của 11 phường và của quận đã có đầy đủ thông tin về các thủ tục hành chính thực hiện tại phường, quận một cách chi tiết và cụ thể để cá nhân, tổ chức

nắm rõ để tránh công dân không biết mang hồ sơ lên quận trong khi hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết tại phường (VD: bằng đại học song ngữ nhiều người đi chứng thực không biết mang lên UBND quận trong khi đó là văn bản chứng thực thuộc thẩm quyền của phường để giảm bớt công đoạn đi lại cho công dân)

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật:

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho quần chúng nhân dân biết về những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước là nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền, thể hiện rõ dân chủ của nhà nước, hướng tới xây dựng nhà nước pháp quyền của dân do dân, vì dân , tất cả quyền lợi nhà nước thuộc về nhân dân. Để từ đó thu thập, tổng hợp ý kiến đánh giá, phản hồi từ phía nhân dân nhằm bổ sung, hoàn chỉnh các chủ trương chính sách đó.

Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật luôn được nghành tư pháp thủ đô nói chung và quận Thanh Xuân nói riêng quan tâm, đẩy mạnh thực hiện. Nghành tư pháp đã tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền nhiều chương trình, kế hoạch hoạt động trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong đó có pháp luật về chứng thực nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, công chức và nhân dân biết, hiểu đúng và thực hiện đầy đủ đúng quy định của pháp luật về hoạt động chứng thực, đảm bảo việc chứng thực trên địa bàn quận được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất, chính xác và đúng pháp luật.

Công tác tuyên truyền pháp luật ở cấp cơ sở được chỉ đạo đẩy mạnh dưới nhiều hình thức: qua hệ thống loa đài truyền thanh, qua các buổi sinh hoạt tại khu dân cư … để người dân nắm được các quy định về chứng thực

kịp thời. Trước ngày Nghị định 23/2015/NĐ-CP có hiệu lực, UBND quận đã chỉ đạo các UBND phường thường xuyên tổ chức tuyên truyền phổ biến cho

các cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn phường được biết, nắm rõ thông tin thông qua hoạt động phát thanh hằng ngày, thông qua buổi họp ở các khu dân cư, thông qua các bản tin dán trên bảng ở các khu dân cư, nhà văn hóa phường. Hằng năm đều tổng hợp báo các và có các buổi tuyên truyền nhất định về các thủ tục hành chính. bên cạnh đó, thông qua tuyên truyền, về phía các ý kiến phản hồi đánh giá từ phía quần chúng được nghành tư pháp quận tiếp thu và xử lý kịp thời bằng văn bản, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực, triển khai tốt Nghị định 23/201/NĐ-CP của Chính phủ.

- *Công tác tổng hợp báo cáo tình hình chứng thực được củng cố và duy trì giữa cấp xã và cơ quan quản lý cấp huyện.*

Hàng tháng cán bộ chứng thực tiến hành tổng hợp tình hình chứng thực tại UBND theo mẫu nhất định, bao gồm các số lượng định lượng, những tình huống và khó khăn phát sinh. Báo cáo này sẽ được gửi tới phó chủ tịch văn xã phụ trách mảng chứng thực và báo cáo lên UBND quận thông qua phòng tư pháp. Việc thiết lập và duy trì lịch báo cáo như vậy là điều hết sức cần thiết cho công tác quản lý trong việc nắm rõ tình hình, kịp thời sử lý những tình huống phát sinh cũng như có những chỉ đạo kịp thời nếu có bất thường xảy ra.

+ Khiếu nại và khuyến nghị về hoạt động chứng thực tại phường được tiếp nhận thông qua hai hình thức: hòm thư góp ý và phản ánh trực tiếp. Cùng với quá trình thành lập bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hành chính, tại mỗi phường đều có 2 hòm thư góp ý, 01 sổ tiếp nhận ý kiến phản ánh của người dân.. Ngoài ra phó chủ tịch văn xã phụ trách chứng thực cũng sẵn sàng tiếp những khiếu nại của công dân qua phản ánh trực tiếp. Theo sự phản ánh của cán bộ, đây là phương tiện hữu hiệu để công dân , tổ chức trực tiếp trình bày ý kiến của mình về những khó khăn, bức xúc khi đi thực hiện chứng thực

- *Đầu tư cơ sở vật chất*:

Từ đầu năm 2015 UBND quận Thanh Xuân đã đầu tư cho 11 phường trên địa bàn quận theo hướng hiện đại hóa, quy mô hiện đại. Với phòng tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả rộng > 40M2, nơi công dân chờ để làm thủ tục có kê bàn dài để công dân viết hoàn thiện hồ sơ, có 05 hàng ghế có sức chứa khoảng 30 người ngồi . Tại mỗi cán bộ tiếp nhận hồ sơ đều có 01 ipad nhằm phục vụ công việc đánh giá mức độ hài lòng của người dân về khi đi làm thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa, về thái độ tiếp dân của cán bộ, về trình tự thủ tục đã thực sự đơn giản. Mỗi phường được trang bị 01 máy phô tô in 2 mặt tự động để phục vụ công tác chứng thực được tốt hơn. Ngoài ra mỗi phường còn trang bị 01 màn hình cảm ứng có kết nối mạng để công dân tra cứu thông tin, trình tự thủ tục làm hồ sơ, 01 màn hình tivi hiển thị số thứ tự, nội dung, người tiếp nhận hồ sơ mà công dân đang thực hiện chứng thực . Bước vào cửa là phần mềm lấy số tự động tạo điều kiện cho công dân và cán bộ tiếp nhận hồ sơ để không xảy ra tình trạng chen ngang làm hồ sơ, quá tải hồ sơ. 100% các TTHC của quận và phường đều được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của quận và phường, đảm bảo thuận tiện cho công tác tra cứu các TTHC đối với công dân. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của quận đang tiến hành cài đặt phần mềm để tiến tới thực hiện giao dịch giải quyết TTHC trực tuyến qua mạng ở cấp độ 3. Hệ thống camera giám sát bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC đã được triển khai lắp đặt tại 11 phường trên địa bàn quận phục vụ tốt cho giám sát việc thực thi công vụ...

- Không còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa UBND phường và phòng tư pháp.

Khi Nghị định 79/2007/NĐ-CP ra đời thì phòng tư pháp quận chỉ có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng

nước ngoài và chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước

ngoài mà không có thẩm quyền chứng thực bản sao và chữ ký trong tiếng Việt. Quy định này đã gây phiền hà cho người dân bởi lẽ việc phân biệt văn bản, giấy tờ bằng tiếng Việt hay tiếng nước ngoài khá phức tạp. Trên thực tế, không chỉ có giấy tờ văn bản bằng tiếng Việt thuần túy, mà còn có cả văn bản bằng tiếng Việt xen kẽ tiếng nước ngoài và ngược lại, văn bản song ngữ…Điều này dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa phòng tư pháp quận và UBND các phường đối với cùng một văn bản giấy tờ khi có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài khi mà cán bộ phường cho rằng văn bản giấy tờ này là tiếng nước ngoài thuộc thẩm quyền của phòng tư pháp, phòng tư pháp lại cho rằng văn bản giấy tờ này chủ yếu bằng tiếng Việt nên chuyển về phường, điều đó gây khó khăn cho người dân. Chưa kể khi có nhiều loại văn bản, giấy tờ mà bao gồm cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì công dân vừa phải lên phòng tư pháp chứng thực văn bản giấy tờ tiếng nước ngoài vừa về phường chứng thực giấy tờ tiếng việt, gây phiền hà mất thời gian của công dân. Tháo gỡ khó khăn này, Chính phủ đã ban hành Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 đã quy định rõ thẩm quyền chứng thực của phòng tư pháp, của UBND phường, cụ thể tại Điều 5:

1. Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Phòng Tư pháp) có thẩm quyền và trách nhiệm:

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản;

c) Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài;

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có thẩm quyền và trách nhiệm:

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch;

Nghị định 23/2015/NĐ-CP đã tạo điều kiện cho người dân trong việc chứng thực, quy định rất rõ thẩm quyền của từng cấp tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

- Tổ chức thực hiện chứng thực cho người dân

Công tác chứng thực đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu chứng thực của người dân trên địa bàn quận, cụ thể

Bảng 2.3: Tổng hợp số liệu chứng thực được giải quyết trên UBND 11 phường thuộc quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội(từ năm 2011 đến 2015)

Năm / Nội dung	2011	2012	2013	2014	2015
Chứng thực bản sao từ bản chính	60820	48240	43563	68520	136410
Chứng thực chữ ký	3450	2908	3338	5399	11487
Tổng cộng	64.270	51.148	46.901	73.919	147.890
Tỷ lệ trả hồ sơ đúng hạn	98%	97%	98%	96%	99%

(Nguồn: Phòng Tư pháp quận Thanh Xuân từ năm 2011 đến năm 2015)

Số liệu cho thấy, nhìn chung số lượng sao y bản chính và chứng thực chữ ký cho thấy các năm lượng chứng thực có năm tăng, năm giảm tùy theo nhu cầu chứng thực của người dân. Đặc biệt, khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP ra đời, công dân chứng thực chữ ký không phụ thuộc vào nơi hộ khẩu thường trú mà chỉ cần mang giấy tờ chứng thực chữ ký như: Sơ yêu lý lịch, giấy cam đoan, đơn bảo lãnh … cùng giấy tờ tùy thân: chứng minh thư, hộ chiếu, căn cước công dân và trực tiếp đi làm tại UBND các phường, xã, thị trấn đều được. Điều đó đã tạo điều kiện cho những người đi làm ăn xa quê, không ở tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú làm thủ tục được đơn giản hơn chính vì vậy lượng chứng thực chữ ký tăng đáng kể.

Thời gian giải quyết chứng thực được rút gọn ngắn hơn. Việc tiếp nhận yêu cầu chứng thực bản sao y bản chính, chứng thực chữ ký trong thời gian làm việc buổi sáng hoặc buổi chiều thì phải thực hiện ngay trong buổi làm việc đó. Trừ trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định tại Điều 7 của Nghị định này thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

2.2.3. Những hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân

- Nhóm hạn chế liên quan đến công tác tổ chức bộ phận chứng thực

Cán bộ làm công tác Tư pháp nhìn chung còn ít kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, sự am hiểu pháp luật còn hạn chế, số năm tham gia công tác chứng thực còn hạn chế, dưới 5 năm chiếm 36,3% (từ kết quả bảng 2.1 ở

trên).Những người trên 50 tuổi chiếm tới 22,8%, điều này gây khó khăn cho

cán bộ chứng thực khi mà đầu việc của cán bộ tư pháp chiếm tới 7 đầu việc trong khi đó thẩm quyền chứng thực ở các phường là rất rộng, chứng thực tất cả các văn bằng chứng chỉ do Việt Nam cấp. Bên cạnh đó việc làm giả giấy tờ ngày càng tinh vi yêu cầu độ quan sát, độ tinh nhạy đối chiếu văn bản , giấy tờ gốc so với bản sao cũng là khó khăn không nhỏ đối với lượng cán bộ trẻ tuổi hoặc đã lớn.

Mặc dù cán bộ tư pháp hộ tịch đã có bằng đại học luật nhưng đa phần là học liên thông hoặc văn bằng 2 nên có phần hạn chế về chuyên môn do đó dẫn đến tâm lý " ngại" chứng thực những nội dung liên quan đến hợp đồng,giao dịch dân sự đôi khi chứng thực các hợp đồng không đúng quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến giao dịch dân sự và quyền lợi của cá nhân không được đảm bảo. Theo đó, trong Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, Bộ tư pháp đã có chỉ đạo như sau: Luật Công chứng và Nghị định số 79 đã phân biệt rõ hai loại hoạt động công chứng và chứng thực, theo đó công chứng là việc công chứng viên chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; còn Phòng Tư pháp cấp huyện, Uỷ ban nhân cấp xã có thẩm quyền chứng thực bản sao giấy tờ từ bản chính, chứng thực chữ ký. Để tạo điều kiện cho Phòng Tư pháp cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã tập trung thực hiện tốt công tác chứng thực bản sao, chữ ký theo quy định của Nghị định số 79, đồng thời từng bước chuyển giao các hợp đồng, giao dịch cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện theo đúng tinh thần của Luật công chứng, góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch của cá nhân, tổ chức, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cần thực hiện các biện pháp phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở địa phương; căn cứ vào tình hình phát triển của tổ chức hành nghề công chứng để

quyết định giao các hợp đồng, giao dịch cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện; trong trường hợp trên địa bàn huyện chưa có tổ chức hành nghề công chứng thì người tham gia hợp đồng, giao dịch được lựa chọn công chứng của tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn khác hoặc chứng thực của Uỷ ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.. Trước ngày 01/11/2011, việc thực hiện chứng thực các hợp đồng dân sự được thực hiện tại UBND các phường của quận Thanh Xuân, Sau ngày 01/11/2011 việc chứng thực các hợp đồng giao dịch chuyển giao cho các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện.

Đồng thời với việc chứng thực đơn thuần, mang tính đơn giản khác có một số phường xảy ra tình trạng chứng thực không đúng với bản chính do không có nghiệp vụ để phân biệt bản chính bị làm giả tạo, ví dụ chứng chỉ dấu giáp lai ảnh và dấu đóng ở chữ ký của thủ trưởng đơn vị phải khớp nhau, cùng là 01 dấu. Có những chứng chỉ làm giả dấu giáp lai ảnh một dấu, dấu thủ trưởng đơn vị một dấu. Hoặc có những loại giấy tờ được cấp sai thẩm quyền thì cũng không chứng thực được, ví dụ giấy xác nhận của UBND xã về việc xác nhận hai vợ chồng đang có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đó là làm sai thẩm quyền bởi xác nhận vợ chồng có quan hệ hợp pháp đã thể hiện trên giây chứng nhận kết hôn, UBND xã không có thẩm quyền cấp. Đôi khi chứng thực văn bản chỉ có dấu treo do một số cán bộ tư pháp chuyên môn chưa vững.

- *Hoạt động chứng thực bị gián đoạn:*

Khi người ký chứng thực đi vắng. Theo quy định , công tác chứng thực ở phường do chủ tịch hoặc phó chủ tịch, tuy nhiên thực tế thường do phó chủ tịch văn xã phụ trách đảm bảo và thực hiện nhiệm vụ ký chứng thực, do vậy

đã phát sinh một bất cập là nếu cán bộ ký chứng thực đi vắng (vì một lý do nào đó: đi họp, đi cơ sở, đi việc riêng …- điều này là khó tránh khỏi), thì không có ai ký chứng thực, và sẽ xảy ra hai trường hợp. Một là, cán bộ tiếp

nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính không nhận hồ sơ, hai là hồ sơ phải chờ ký. Cả hai trường hợp dân đều phải chờ đợi (đợi hôm khác hoặc đợi người ký chứng thực về ký). Như vậy sự liên tục của công tác chứng thực không còn, điều này là không phù hợp với cơ chế một cửa ở UBND phường.

Sự gián đoạn này sẽ là hệ quả lớn đối với nhu cầu chứng thực ngày càng tăng của công dân. Đây là vấn đề chứng thực cần Nhà nước điều chỉnh cho phù hợp.

- *Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa đồng bộ*

Một số cơ quan, ban, ngành chưa có cơ chế thực hiện nghiêm túc quy định của Nghị định 79/2007/NĐ-CP, đặc biệt là quy định tại Điều 6, nhiều cơ quan tiếp nhận giấy tờ, văn bản không chấp nhận bản chụp để đối chiếu với bản chính mà buộc đương sự phải nộp bản sao có chứng thực, một số cơ quan thì vẫn yêu cầu xuất trình bản chính hoặc yêu cầu bản sao từ sổ gốc giấy tờ hộ tịch mặc dù đã có bản sao chứng thực, làm tăng số lượng việc chứng thực không cần thiết, gây lãng phí tiền của, thời gian, gây phiền hà, sách nhiễu đối với người dân, làm giảm hiệu lực quy định pháp luật. “Giải pháp: Nên chăng nơi tiếp nhận hồ sơ của công dân có thể tiếp nhận bản sao, tự mình đối chiếu, kiểm tra tính hợp lệ của văn bản mà không yêu cầu công dân cung cấp bản chứng thực gây lãng phí và mất thời gian cho công dân”

- *Một số điểm chưa phù hợp ở Nghị Định 23/2015/NĐ-CP*

+ Về văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động chứng thực

Văn bản điều chỉnh trực tiếp hoạt động chứng thực mới chỉ dừng lại ở cấp độ Nghị định, trong khi đó, một số văn bản điều chỉnh lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động chứng thực hầu hết đã được ban hành ở cấp độ luật như: Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Công chứng… Vì vậy, mức độ tuân thủ pháp luật về chứng thực của các cơ quan, tổ chức và xã hội chưa đúng mức, còn bị chi phối bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác

+ Đối với việc chứng thực chữ ký trong Giấy bán, tặng, cho xe

Tại điểm b khoản 1 Điều 6, Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải có quy định trên mẫu Giấy bán, cho, tặng xe chuyên dùng: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bán, cho, tặng xe đăng ký thường trú chứng thực chữ ký của người bán, cho, tặng xe.

Tại điểm g khoản 1 Điều 10, Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an quy định: "Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực".

Việc bán, cho, tặng xe chuyên dùng hay xe cá nhân cũng là một giao dịch dân sự. Nếu quy định việc chứng thực chữ ký đối với loại việc này thì chưa hợp lý, bởi những lý do sau:

Thứ nhất; bản chất việc bán, cho, tặng xe là một hợp đồng dân sự nhưng lại quy định cho UBND cấp xã chứng thực chữ ký.

Thứ hai, dù đây chỉ là "giấy bán, cho, tặng xe" nhưng về nội dung của giấy bán, cho, tặng đã thể hiện rõ được sự thỏa thuận của các bên về nội dung bán, cho, tặng xe và bảo đảm đầy đủ cả về nội dung, hình thức của một hợp đồng dân sự giống như một hợp đồng cho, tặng quyền sử dụng. Do đó, khi Phòng Tư pháp, UBND cấp xã thực hiện việc ký vào giao dịch này là việc "chứng" nội dung thỏa thuận và đồng ký tên của hai bên, chứ không phải chỉ "chứng" chữ ký của "một bên bán, cho, tặng xe".

Thứ ba, nếu giấy bán, cho, tặng xe mà thực hiện theo thủ tục chứng thực chữ ký thì theo quy định tại điều 24 Nghị định 23 chỉ cần 02 loại giấy tờ: chứng minh nhân dân/ hộ chiếu và giấy tờ, văn bản mà mình sẽ ký vào đó. Tuy nhiên, đối với trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy bán, cho, tặng xe thì bắt buộc phải có Giấy Chứng nhận quyền sở hữu xe, do đối tượng trong

giấy bán, cho, tặng này là xe. Đây chính là điều mâu thuẩn giữa NĐ 23 và các văn bản pháp luật liên quan về chứng thực, tạo sự không thống nhất giữa các cơ quan chứng thực khi thực hiện việc chứng thực hợp đồng hoặc giấy bán, cho tặng xe.

+ Đối với hoạt động chứng thực bản sao từ bản chính, thực tế vẫn có những loại giấy tờ có tính chất như bản chính, nhưng về hình thức do tính lịch sử hoặc do biểu mẫu mang tính đặc thù nên không hoàn toàn phù hợp các loại bản chính thông thường, nhưng cũng không thuộc các trường hợp không được chứng thực bản sao từ bản chính (ví dụ: một số giấy tờ được cấp từ thời kỳ trước đóng dấu vuông hoặc dấu màu xanh; giấy tờ, thẻ chứng nhận thành viên do một số tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp đóng dấu vuông hoặc chỉ đóng dấu treo mà không có họ tên, chức vụ người ký cấp; một số giấy tờ ghi là Phó bản – không phải bản chính, cũng không phải bản sao …), nếu thực hiện chứng thực thì không bảo đảm cơ sở pháp lý (vì không phải là bản chính thuộc diện được chứng thực), nhưng nếu không chứng thực thì gây khó khăn, phiền hà cho người dân vì không thể có các bản sao chứng thực để nộp cho cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

- *Công việc báo cáo với cấp trên còn mang tính chất số liệu*

Theo tháng, theo quý và theo năm nhưng các chỉ số định tính dường như không được đề cập đến. hơn thế nữa, cũng không có mục tiêu định tính, định lượng đặt ra, không có các phân tích giữa mục tiêu và kết quả , không có các biện pháp cải thiện kết quả nào được nghiên cứu một cách có hệ thống.

Hệ thống các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính trong hồ sơ thủ tục hành chính do các cơ quan hành chính nhà nước ban hành còn thiếu thống nhất, nhiều quy định bất hợp lý gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nhưng chậm được chuẩn hoá theo hướng đơn giản, thuận lợi; chưa có sự kiểm soát chặt chẽ về tính công khai, minh bạch, tính thống nhất, tính hợp

lý về nội dung và hình thức của các mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính. Thực trạng này đã gây phiền hà, khó khăn cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, tạo cơ hội cho những nhiễu, tiêu cực phát sinh, phát triển;

- *Chưa chú trọng công tác quản lý đào tạo công chức về văn hóa định hướng phục vụ nhân dân*

Văn hóa phục vụ nhân dân là sự giao tiếp về công việc của cán bộ với người dân, thể hiện trách nhiệm của cán bộ, công chức – người đại diện cho Nhà nước để phục vụ nhân dân. Một số cán bộ, công chức thể hiện được văn hóa phục vụ của mình, sẽ khiến mối quan hệ giữa nhà nước và công dân trở nên bình đẳng là có trách nhiệm hơn, tạo niềm tin của nhân dân vào nhà nước. Khi thực hiện cơ chế một cửa nói chung, trong đó thực hiện chứng thực nói riêng, mặc dù cán bộ công chức đã được tập huấn về thái độ tiếp công dân: hòa nhã, niềm nở, hướng dẫn công dân làm thủ tục tận tình chu đáo nhưng đôi khi có những trường hợp cán bộ tiếp nhận hồ sơ tiếp xúc dân chưa được niềm nở, chưa thể hiện hết trách nhiệm của mình, còn có thái độ hách dịch, bớt xén giờ làm, trách nhiệm thấp của cán bộ chứng thực với hoạt động chứng thực.

Ngày nay, trong xu hướng cải cách hành chính, cải cách dịch vụ công, thì văn hóa phục vụ nhân dân càng trở nên quan trọng. Dịch vụ công sẽ có xu hướng được phân cấp nhiều hơn nữa cho cấp cơ sở và đẩy mạnh xã hội hóa, khi đó những giao dịch của nhà nước và công dân sẽ trở nên nhiều và thường xuyên hơn.

- *Công tác truyền thông về chứng thực tới tổ chức, công dân còn chưa tốt*

Bên cạnh những kết quả đạt được công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về chứng thực còn chưa triệt để (hiệu quả chưa cao), thể hiện qua một số tồn tại yếu kém sau:

Chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chứng thực

trên diện rộng nhưng vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Ví dụ như thủ tục xác nhận

chữ ký trong sơ yếu lý lịch theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP thì công dân chỉ cần mang giấy tờ tùy thân kèm đến bất kỳ UBND xã, phường nào đều có thể xác nhận lý lịch mà không phụ thuộc vào nơi đăng ký hộ khẩu nhằm tạo điều kiện cho công dân khi này nay nhiều người đi làm ăn xa không ở tại nơi có hộ khẩu. Nhưng đa phần người dân không biết lại phải về nơi có hộ khẩu thường trú để làm xác nhận lý lịch mất thời gian và công dân. Bên cạnh đó một số người dân lại nói là tại sao tôi có hộ khẩu đây, tôi là bố(mẹ) của con tôi , có hộ khẩu đây mà không xác nhận lý lịch cho tôi, như vậy công chức tiếp nhận hồ sơ lại phải giải thích thông qua Nghị đinh 23/2015/NĐ-CP.

Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về chứng thực tại nhiều nơi vẫn còn mang tính chất hình thức, phong trào, chưa tập trung tuyên truyền theo chiều sâu, chưa có sự phối hợp tuyên truyền một cách nhịp nhàng giữa chính quyền và đoàn thể nhân dân, dẫn tới chất lượng tuyên truyền còn thấp.

Công dân, tổ chức chưa nắm rõ được văn bản mà mình sẽ đi chứng thực. Đôi khi công dân nghĩ chứng thực chữ ký là chứng thực tất cả các văn bản do công dân soạn thảo ra và công dân đảm bảo chữ ký về nội dung đó. Công dân chưa thực sự hiểu được có những văn bản không được xác định chữ ký theo văn bản tự soạn thảo mà phải làm theo thủ tục hành chính mà nhà nước đã ban hành.

Ví dụ: Công dân ra UBND phường xin xác nhận là còn độc thân chưa đăng ký kết hôn với ai, hoặc xác nhận tình trạng đã là vợ chồng theo quy định của pháp luật. 2 thủ tục đó hoàn toàn là thủ tục hành chính đã được nhà nước ban hành theo thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để xác định tình trạng độc thân của cá nhân, giấy Chứng nhận kết hôn để chứng minh mối quan hệ hôn nhân của công dân

- *Trình tự thực hiện chứng thực chưa phù hợp với cơ chế " Một cửa"*

Hầu như các phường đều tuân theo quy trình chứng thực nhưng đôi khi một số thời điểm thì các phường vẫn xảy ra tình trạng chứng thực không theo quy trình. Đôi khi do ý thức pháp luật của cán bộ tư pháp, của công dân, tâm lý chủ quan cả nể của cán bộ tư pháp nên cán bộ tư pháp đã không tuân thủ các trình tự, thủ tục pháp luật quy định với mỗi loại việc chứng thực, việc chứng thực bản sao các giấy tờ, văn bản bằng tiếng việt không tuân thủ khi không xuất trình bản chính để thực hiện việc đối chiếu, so sánh dẫn đến nhiều sai sót trong chứng thực. Một số trường hợp công dân quen lãnh đạo, đã vào xin chữ ký lãnh đạo luôn sau đó mới ra bộ phận một cửa để đóng dấu, có khi vì nể nên cán bộ một cửa không vào sổ, điều đó không đảm bảo quản lý hồ sơ chứng thực.

2.2.4. Một số nguyên nhân của những bất cập, hạn chế trong quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân.

Xét một cách riêng biệt, mỗi bất cập, hạn chế nói trên có thể là do mỗi nguyên nhân riêng biệt khác nhau gây nên nhưng cũng có thể một vài bất cập có cùng nguyên nhân nhưng trong những điều kiện khác nhau thì thể hiện khác nhau. Nhằm tăng cường công tác quản lý hoạt động chứng thực trên địa bàn quận Thanh Xuân, có thể phân tích qua một số nguyên nhân cơ bản sau:

- Xuất phát từ trình độ quản lý, năng lực điều hành của cán bộ quản lý chưa thực sự sâu sát với hoạt động chứng thực tại UBND phường, công tác chỉ đạo, điều hành, thanh tra, kiểm tra hay sự hỗ trợ của các cơ quan hữu trách còn yếu, chưa kịp thời tạo nên những thói quen khó thay đổi ở cán bộ chứng thực tại UBND phường, sự hỗ trợ, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng năng lực chứng thực đối với cán bộ thực hiện chứng thực ở phường chưa được chú trọng.

- Chính sách khuyến khích về mặt tài chính chưa khuyến khích được

tinh thần trách nhiệm thực thi công việc, tinh thần tự học, tự trau dồi kiến

thức. Ý thức pháp luật của cán bộ chứng thực chưa cao, còn tình trạng xem nhẹ pháp luật, bỏ qua những quy định trong quy trình hoạt động chứng thực, sự hách dịch đối với người dân khi họ yêu cầu chứng thực, quy chế dân chủ chưa thực hiện hiện tốt, nhân dân còn thiếu thông tin về vấn đề chứng thực dẫn đến tình trạng nhận thức và thực hiện chứng thực còn lúng túng.

- Chưa thực sự quan tâm đến chất lượng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 mang tính chất đối phó, chưa thực sự quan tâm đúng mức đến quy trình thực hiện ISO.

- Đôi khi tình trạng gián đoạn, quá tải cục bộ trong những thời điểm nhất định của hoạt động chứng thực xảy ra tại các phường. Nguyên nhân là do chưa đảm bảo về con người và thời gian chứng thực của chính quyền ngành tư pháp quận Thanh Xuân nói chung, trong đó có sự linh hoạt của chính quyền các phường. Về việc bố trí 01 phó chủ tịch ký các bản chứng thực là chưa thực sự đáp ứng nhu cầu chứng thực ngày càng nhiều của công dân.

- Thủ tục hành chính hiện nay ở Việt Nam còn mang nặng tính chất hình thức đòi hỏi quá nhiều giấy tờ, gây phiền hà cho nhân dân; nặng nề, nhiều cửa, nhiều cấp trung gian, rườm rà, Thủ tục hành chính thiếu thống nhất, thường bị thay đổi một cách tuỳ tiện, thiếu công khai, minh bạch.

Tiểu kết chương 2

Quận Thanh Xuân là một quận mới thành lập của TP. Hà Nội được thành lập từ năm 1997 đến nay, cùng với quá trình đổi mới của đất nước, chính quyền và nhân dân quận Thanh Xuân đã thu được những kết quả nhất định về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Do mới thành lập nên đôi khi còn khó khăn trong góc độ quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về chứng thực nói riêng trên địa bàn quận.

Hiện nay hoạt động chứng thực trên địa bàn quận Thanh Xuân nói riêng được quy định tại bộ luật dân sự 2005, luật đất đai 2003, luật đất đai 2013, Nghị định 23/2015/NĐ-CP, Thông tư 20/2015/TT-BTP hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23, Công văn 2354/UBND-NC về thẩm quyền thực hiện công chứng, chứng thực các hợp đồng giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số văn bản pháp luật khác.

Nghị định 79/2007/NĐ-CP được ban hành thể hiện tinh thần cải chính mạnh mẽ, theo hướng tang phân cấp cho UBND phường. Điều này đặt ra những thách thức lớn đối với chính quyền và nghành tư pháp quận Thanh Xuân trong việc thực hiện hoạt động chứng thực trên địa bàn quận. Đặc biệt từ khi Nghị định 23/2015/NĐ-CP ra đời đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác chứng thực, đã phân biệt rõ ràng thẩm quyền chứng thực của phòng tư pháp quận, văn phòng công chứng, UBND phường. Việc hoàn thiện thể chế được thành phố Hà Nội quan tâm chỉ đạo, việc sắp xếp nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ công tác chứng thực được chỉ đạo thực hiện. Công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiệ được nghành tư pháp thường xuyên quan tâm, công tác thanh tra, kiểm tra được tổ chức thực hiện nghiêm túc. Đến nay việc thực hiện các quy định về chứng thực đang dần đi vào ổn định, mang lại những lợi ích, đồng thuận của nhân dân. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế bất cập do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Những bất cập nêu ở trên cơ bản là do chưa có sự tương thích giữa những điều kiện về con người, cơ sở vật chất, cơ chế làm việc, trình độ, ý thức pháp luật, văn hóa làm việc của cán bộ chứng thực với những yêu cầu đặt ra của công tác chứng thực. Bên cạnh đó, thủ tục hành chính ở Việt Nam còn mang nặng tính chất giấy tờ, gây phiền hà cho nhân dân, làm nặng nề

công tác quản lý.

Chương 3:

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC CỦA UBND PHƯỜNG TỪ THỰC TIỄN QUẬN THANH XUÂN

3.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân

3.1.1 *Đòi hỏi từ sự nghiệp đổi mới, xây dựng Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa.*

Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo; thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội; giải quyết đúng mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với nhân dân, tới thị trường. Nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước theo pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật, kỷ cương. Nhà nước chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của mọi người dân. Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để vận hành có hiệu quả nền kinh tế và thực hiện tốt các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Nhà nước Pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vừa có một số đặc

trưng chung của nhà nước pháp quyền vừa có đặc trưng riêng của nước ta mang đậm tính dân tộc và nhân đạo được thể hiện ở một số điểm sau: Nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn luôn xác định mục tiêu cao nhất của mình là vì con người; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước mà mọi quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các cơ quan nhà nước do mình trực tiếp bầu ra; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và thể hiện địa vị tối cao của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống xã hội; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước mà ở đó các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là thống nhất và có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền đó; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước do một đảng duy nhất lãnh đạo - Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện hơn nữa cho người dân thể hiện quyền dân chủ và trách nhiệm của mình thông qua các hoạt động tự quản ở địa phương và cơ sở. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được Hiến pháp quy định, song Nhà nước không thể làm hết mọi công việc trong xã hội. Hiện nay, hoạt động tự quản của người dân đang được phát huy và đã có đóng góp đáng kể vào quản lý xã hội. Đây là kết quả quan trọng trong việc dân chủ hóa các hoạt động kinh tế - xã hội, sự đổi mới rất cơ bản về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Đây cũng là nét đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - một nhà nước mang tính nhân dân sâu sắc. Thực tế đã chứng minh: ở đâu thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, dân được tự quản các hoạt động thì ở đó mọi sáng kiến của dân, nguồn lực của dân được phát huy, được quản lý chặt chẽ, khối đoàn kết thống nhất trong dân được củng cố, tăng cường, góp phần xứng đáng vào xây dựng vững chắc hệ thống chính trị ở cơ sở; đặc biệt mối quan hệ

giữa Đảng - Nhà nước và nhân dân được gắn bó và phát huy với hiệu quả cao.

Chính vì vậy sự quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực cần được thực hiện đúng đắn nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhân dân cũng như sự quản lý nhà nước hoạt động của nhân dân được tốt hơn

3.1.2 Đòi hỏi từ thực tiễn công tác quản lý nhà nước về chứng thực

Thực tiễn thực hiện cho thấy tranh chấp trong xã hội ngày càng tăng, vụ việc càng phức tạp, trong đó có nguyên nhân là do không có xác thực. Do vậy, việc tuyên truyền, phổ biến, cập nhật pháp luật là cần thiết. Bên cạnh đó cũng cần tăng cường hơn nữa các biện pháp công cụ tổ chức thực hiện pháp luật. Công chứng là một hoạt động quan trọng không thể thiếu được trong hoạt động Nhà nước. Thông qua hoạt động công chứng và các quy định xung quanh nó, pháp luật trở nên gần với hiện thực hơn, dần trở thành hiện thực sinh động của đời sống xã hội. Theo đánh giá của Sở Tư pháp, kết quả xã hội hóa hoạt động công chứng đã mang lại hiệu quả rõ rệt, nâng cao sự an toàn pháp lý cho các giao dịch, hợp đồng. Góp phần phòng ngừa các vi phạm pháp luật trong các quan hệ giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại… Khi các giao dịch, hợp đồng được thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng có tính chuyên môn, chuyên nghiệp không chỉ là một thủ tục hành chính mà còn đảm bảo tính chính xác, đúng luật, hồ sơ văn bản công chứng được lưu giữ đầy đủ, lâu dài và có tính pháp lý, góp phần phòng ngừa rủi ro, tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi tham gia hợp đồng, giao dịch, giúp ổn định cho sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó thông qua hoạt động tiếp người yêu cầu công chứng, các tổ chức hành nghề công chứng đã tích cực tuyên truyền, tư vấn cho cá nhân, tổ chức những quy định của pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật cho người dân.

Từ đây ta có thể nhận thấy: Văn bản công chứng là một công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phòng ngừa tranh chấp, tạo ra sự ổn định trong quan hệ dân sự, tài sản. Mặt khác, văn bản công

chứng còn tạo ra một chứng cứ xác thực, kịp thời không ai có thể chối cáo trừ trường hợp bị tòa tuyên bố vô hiệu.

3.1.3. Quan điểm của Đảng, Chương trình cải cách hành chính về quản lý nhà nước của Nhà nước

Đảng và Nhà nước luôn coi nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2010 -2020. Đáp ứng yêu cầu đặt ra, Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ : Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 với năm mục tiêu chính như sau:

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước.

2. Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.

3. Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước.

4. Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước.

Trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn 10 năm tới là: Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức,

chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

Ngày 28/12/2015, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 226/KH-UBND về cải cách hành chính năm 2016 của Thành phố Hà Nội.

Mục đích của kế hoạch nhằm tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng văn minh, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của các cơ quan hành chính nhà nước; đổi mới chế độ công vụ theo hướng năng động linh hoạt; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ, quy tắc ứng xử của công chức, viên chức.

Theo đó, Kế hoạch gồm 07 nội dung chính như sau:

1. Công tác chỉ đạo điều hành: triển khai kế hoạch CCHC của Thành phố, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch CCHC của đơn vị mình; xây dựng Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016 -2020; tăng cường kiểm tra việc thực hiện CCHC, kiểm tra công vụ; naagn cao trách nhiệm người đứng đầy đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC.

2. Cải cách thể chế: thực hiện đúng các quy định về xây dựng, ban hành VBQPPL; rà soát và hệ thống hóa các VBQPPL của Thành phố. Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

3. Cải cách thủ tục hành chính: xây dựng và triển khai thực hiện có chất lượng Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của Thành phố; duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn.

4. Cải cách tổ chức bộ máy: tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố và UBND cấp huyện; tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: tiếp tục thực hiện quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ công chức, viên chức. Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức; thực hiện tốt chế độ chính sách liên quan đến tiền lương, bảo hiểm xã hội…

6. Cải cách tài chính công: thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ quan nhà nước thuộc Thành phố; giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học công nghệ.

7. Hiện đại hóa hành chính: đổi mới lề lối và phương thức làm việc trong các cơ quan đơn vị; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc Thành phố đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

Theo đó, các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2016 của đơn vị mình và tổ chức thực hiện.

3.2. Định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân

Xét về bản chất , chứng thực là yêu cầu của Nhà nước với nhân dân, chứ không phải nhu cầu tự thân của nhân dân. Đây là một loại dịch vụ công mà Nhà nước cần cung ứng cho người dân để phục vụ trước hết cho chính công việc quản lý của mình. Nhân dân đến các cơ quan nhà nước thực hiện thủ tục giấy tờ chứ không phải đến để xin một đặc ân nào đó của nhà nước mà ngược lại người dân có quyền được nhà nước phục vụ như một khách hàng. Công dân phải trả phí cho các hoạt động chứng thực, do vậy họ cần phải được

đối sử như các khách hàng và người tiêu dung dịch vụ công đó của cơ quan hành chính.

Do đó công tác quản lý chứng thực của nhà nước cần thể hiện vai trò phục vụ nhân dân, thông qua những định hướng hoạt động sau:

- Đảm bảo sự tiếp cận dễ dàng của công dân đến cơ quan hành chính nhà nước:

Rõ ràng về quyền hạn của công dân trong việc thực hiện chứng thực và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chứng thực, công khai các chỉ dẫn cho cá nhân, tổ chức khi đến yêu cầu chứng thực; niêm yết công khai thủ tục hành chính và thời hạn giải quyết từng loại việc chứng thực.

- Đảm bảo đơn giản hóa, quy chuẩn hóa

Công khai, minh bạch quy trình thực hiện chứng thực, góp phần đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu của tổ chức, công dân.

- Đề cao trách nhiệm của công chức chứng thực, cơ quan nhà nước trước nhân dân:

Nâng cao trách nhiệm công việc và đạo đức công vụ cho công chức thực hiện chứng thực, khẳng định vai trò trách nhiệm của chính quyền xã trong việc tổ chức thực hiện chứng thực cho người dân.

- Đảm bảo chứng thực công bằng cho người dân:

Tức là mọi người dân đều có quyền tiếp cận ngang nhau đến việc thực hiện chứng thực và chất lượng chứng thực . nghiêm cấm các quy định riêng gây cản trở nhu cầu chứng thực của cá nhân, tổ chức; thực hiện những ưu đãi về mức phí chứng thực đối với những diện theo quy định

- Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống thể chế, văn bản quy phạm pháp luật

Gắn việc thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính và chiến

lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, địa phương.

Công tác quản lý và thực hiện chứng thực cần được nhận thức và tổ chức thực hiện trong bối cảnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp mà cụ thể là việc thực hiện chứng thực ở các xã, phường , thị trấn phải gắn với cơ chế một cửa. Xây dựng quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính một cách hợp lý, khoa học giảm bớt đầu mối và mang tính ổn định. Quy trình tiếp nhận cho từng loại hồ sơ để có giới hạn giải quyết hồ sơ một cách khoa học tránh tình trạng kéo dài đối với những hồ sơ đơn giản rõ rang, nên có quy định rõ rang về hồ sơ chứng thực nào cần lưu, hồ sơ nào không cần lưu tránh tốn kém cho công dân và phức tạp công việc cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ.

3.3 Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân

3.3.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về chứng thực

Mặc dù Nghị định 23/2015/NĐ-CP ban hành thay thế các nghị định văn bản trước như Nghị định 79, đã đáp ứng chứng thực ngày càng nhiều của công dân nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Càng ngày nhu cầu chứng thực của công dân càng tăng lên mà thao tác thực hiện chứng thực lại quá nhiều công đoạn, gây mất thời gian đi lại của công dân, và các văn bằng chứng chỉ ở những cơ sở đào tạo ban hành nên chăng có thẩm quyền chứng thực để nhằm giảm tải công việc cho chính quyền cũng như không mất thời gian của người làm. Ví dụ tại các trường Đại học có quyền cấp bằng thì cũng có quyền sao văn bằng chứng chỉ đó.

Thiết nghĩ, trong tương lai gần Quốc hội cần ban hành Luật Chứng thực, bởi lẽ: xét về bản chất thì chứng thực là một dạng của công chứng, nếu điều chỉnh bằng Nghị định hay pháp lệnh thì không tương xứng về mặt pháp

lý đối với hoạt động công chứng vì công chứng đã có luật Công chứng mơi nhất là luật công chứng năm 2014. Luật Công chứng năm 2014 đã giao trở lại cho tổ chức hành nghề công chứng thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản

chính, chứng thực chữ ký và thẩm quyền công chứng bản dịch. Có thể nói, việc giao trở lại cho tổ chức hành nghề công chứng các thẩm quyền này là phù hợp với tình hình hiện nay, một mặt vừa tạo thêm một "kênh" để người dân lựa chọn, một mặt vừa tạo điều kiện cho các tổ chức hành nghề công chứng duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động. Việc xây dựng Luật Chứng thực cũng nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính và cải cách tư pháp; kế thừa, phát triển những quy định còn phù hợp với thực tiễn, luật hóa những quy định cần có giá trị ở tầm luật trong Nghị định số 23/2015/CP; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật quốc tế cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam, phù hợp với Bộ Luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Công chứng; xây dựng quy trình, thủ tục thực hiện chứng thực đảm bảo tính khoa học, minh bạch, chính xác, đơn giản, tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức thực hiện được yêu cầu chứng thực phù hợp với cải cách thủ tục hành chính.

Cần có những quy định cụ thể hơn về thời gian hiệu lực chứng thực: ví dụ như những giấy tờ như: bằng đại học, bảng điểm, bằng thạc sỹ… nên quy định thời gian bản sao là " vô hạn" ..Những giấy tờ như: chứng minh thư, căn cước công dân, hộ khẩu.. là những giấy tờ dễ thay đổi nên quy định bản sao " hữu hạn" thì bản sao còn giá trị khi bản chính còn giá trị là trong vòng 06 tháng để tránh những đòi hỏi xuất trình bản chính khi công dân, tổ chức đi làm giao dịch của các đơn vị tiếp nhận hồ sơ, công dân nắm được luật tạo điều kiện đi làm thủ tục được đơn giản. trách nhiệm pháp lý của người thực hiện chứng thực và người yêu cầu chứng thực đã được pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể. Vì vậy, khi hậu quả xảy ra thì có thể dễ dàng xác định được trách nhiệm pháp lý thuộc về ai. Chính điều này đã nâng cao tinh thần tuân thủ pháp luật của người thực hiện chứng thực và người yêu cầu chứng thực. Tuy nhiên, đối với các hoạt động có tính chất xác nhận/thị thực khác của chính

quyền địa phương thì trách nhiệm pháp lý của người xác nhận/thị thực và người yêu cầu xác nhận/thị thực chưa được quy định rõ ràng, cụ thể. Vì vậy, khi hậu quả xảy ra thì rất khó để xác định được rõ ràng trách nhiệm pháp lý thuộc về ai. Chính điều này đã dẫn đến tình trạng "cha chung không ai khóc", việc thị thực/xác nhận dễ diễn ra bừa bãi, không tuân thủ pháp luật.

3.3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của UBND phường thực hiện hoạt động chứng thực.

Hiện tại, hoạt động chứng thực được thực hiện ở UBND cấp huyện, UBND cấp xã; công chứng viên của Phòng công chứng, Văn phòng công chứng; viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự của Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự và Cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Tuy nhiên theo tâm lý " sợ" lên có quan chức năng cấp cao, UBND phường là đơn vị hành chính cơ sở, đơn vị hành chính gần dân nhất nên đa phần nhân dân, tổ chức hay ra phường làm thủ tục chứng thực. Vì thế để nâng cao chất lượng chứng thực cần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trực tiếp thực hiện hoạt động chứng thực. Chất lượng đội ngũ cán bộ công chức chứng thực được thể hiện trên hai khía cạnh cơ bản là: năng lực công tác và phẩm chất công vụ

- Nâng cao năng lực công tác:

Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức thực hiện chứng thực là một dòi hỏi cấp thiêt Trình độ chuyên môn của một số cán bộ, công chức có lúc, có nơi còn hạn chế, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chứng thực chưa sâu (do mới thực hiện từ năm 2007), do đó việc phát hiện các giấy tờ văn bản yêu cầu chứng thực bằng mắt thường gặp nhiều khó khăn do việc giả mạo các giấy tờ, văn bản ngày càng tinh vi, hiện đại… Việc lưu trữ hồ sơ thiếu khoa học còn xảy ra. Quận Thanh Xuân cần có kế hoạch cụ thể để nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực công tác của cán bộ chứng thực. Yêu cầu:

Công chức Tư pháp làm công tác chứng thực phải có bằng trung cấp Luật trở lên, trình độ tin học văn phòng đạt chuẩn công nghệ thông tin chứng chỉ B, cần giới hạn độ tuổi, số năm công tác trong hoạt động chứng thực. Hàng năm theo định kỳ, tổ chức các khóa tập huấn ngắn hạn về kỹ năng thực hiện chứng thực, mời các đơn vị quản lý, cấp các loại văn bản gốc, chứng chỉ giả mạo để tăng cường nhận biết văn bản giả.

Nâng cao trình độ tin học trong đội ngũ cán bộ " một cửa" nhằm chuẩn hóa kỹ năng sử dụng tin học, từng bước chuyển đổi sổ lưu giấy sang phần mềm lưu máy tính.

Mỗi phường nên có 01 cán bộ công nghệ thông tin làm đầu mối tin học cho phường nhằm đảm bảo hoạt động mạng internet được diễn ra liên tục và có hệ thống đáp ứng nhu cầu chứng thực nhanh gọn của nhân dân.

- Vấn đề phẩm chất đạo đức công vụ:

Có nhiều nguyên nhân tác động đến đạo đức của người công chức, trong đó có vấn đề chủ quan của người công chức, như: thiếu được rèn luyện, thiếu tuân thủ những quy định của các quy tắc ứng xử trong nền công vụ, nhưng cũng có những yếu tố khách quan từ bên ngoài tác động làm cho người công chức khó tuân thủ những chuẩn mực bắt buộc về đạo đức, về hành vi xử sự và tự tạo ra những hành vi mới.

Để nâng cao phẩm chất đạo đức công vụ cần phải có những biện pháp cụ thể:

Đổi mới công tác đánh giá công chức dựa trên một hệ giá trị chuẩn mực làm tiêu chí, tránh đánh giá một cách hình thức, tùy tiện, cảm tính. Hiện nay, việc đánh giá cán bộ, công chức của nước ta chủ yếu dựa vào Điều 28 trong Luật cán bộ, công chức. Tuy nhiên, những nội dung này cũng cần được cụ thể hóa để phù hợp với ngạch công chức cũng như ngạch của ngành chuyên môn mà công chức đảm nhiệm.

Cùng với chủ trương“Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước”, thiết nghĩ chúng ta cần chú ý đến việc hoàn thiện các chuẩn mực giá trị đạo đức cán bộ, công chức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, nhằm cụ thể hóa nguyên tắc đạo đức công vụ. Lấy đó làm hệ quy chiếu để nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ của công chức.

Phát huy hơn nữa tính tích cực, chủ động, tinh thần tiên phong, gương mẫu của đội ngũ công chức trong thực thi công vụ. Vận động là một quá trình tự thân, những nhân tố tác động từ bên ngoài để nâng cao đạo đức công vụ cho công chức là hết sức quan trọng

Có những biện pháp khen thưởng kịp thời đối với gương “người tốt, việc tốt”, tạo nên phong trào hăng say lao động trong quần chúng nhân dân. Xử lý nghiêm những cán bộ có hành vi vi phạm đạo đức. Tổ chức tốt việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Với mục tiêu: Cải cách hành chính công hướng tới nền hành chính phục vụ thì việc nâng cao đạo đức phục vụ của công chức chứng thực càng được nâng cao: khi tiếp nhận hồ sơ cần có thái độ hòa nhã, tận tình hướng dẫn nhân dân tránh thái độ hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà, sách nhiễu người dân.

3.3.3. Cần cải thiện chế độ đãi ngộ đối với công chức tư pháp thực hiện chứng thực.

Chính sách đãi ngộ cán bộ, công chức bao gồm cả đãi ngộ về vật chất

và khuyến khích về tinh thần: tiền lương, thưởng; phụ cấp chức vụ, khu vực,

làm thêm giờ, trợ cấp khó khăn; phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà

công vụ và các dịch vụ xã hội được bao cấp một phần hoặc toàn bộ; lương hưu, nghỉ ốm, nghỉ đẻ, nghỉ phép hàng năm, tham quan du lịch; sự tôn vinh qua các danh hiệu của cơ quan, ngành và Nhà nước trao tặng.

Trong hệ thống chính sách đãi ngộ nêu trên, chính sách khuyến khích bằng lợi ích vật chất là cơ bản, chủ yếu và quan trọng nhất. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, lợi ích vật chất và tinh thần đan xen với nhau, trong phần thưởng về vật chất có phần thưởng về tinh thần, ngay cả mức lương cũng chứa đựng sự đánh giá của xã hội đối với những cống hiến của cá nhân. Cũng có trường hợp đặc biệt, lợi ích về tinh thần còn quan trọng hơn cả về lợi ích vật chất.

Việc thực hiện lộ trình cải cách chế độ tiền lương đang được triển khai tương đối đồng bộ, có một số đổi mới về nội dung, phương pháp, cách làm, góp phần khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ phấn đấu, đóng góp sức lực vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong những năm qua Chính phủ đã nhiều lần điều chỉnh mức lương tối thiểu, song "chính sách cán bộ đến nay vẫn chưa theo kịp yêu cầu xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới; chế độ, chính sách không khuyến khích được người tài, người năng động, sáng tạo, người làm việc có chất lượng, hiệu quả; còn bình quân chủ nghĩa, cào bằng, thậm chí nâng đỡ người yếu kém, làm nản lòng cán bộ... chính sách tiền lương, nhà ở còn lạc hậu, bất cập. Công tác thi đua, khen thưởng chậm đổi mới, còn mang "bệnh thành tích", khen thưởng tràn lan, chưa thực chất, ít có tác động (thậm chí có trường hợp gây phản tác dụng); chưa thực sự trở thành động lực khuyến khích sự phấn đấu vươn lên của đội

ngũ cán bộ.

Nhìn chung, thu nhập của cán bộ, công chức chưa đạt mức trung bình của xã hội, chưa thực sự trở thành động lực làm việc của cán bộ công chức và

chưa góp phần đáng kể thực hiện mục tiêu cải cách nền hành chính nhà nước. Do đó, cần nhận thức đầy đủ hơn vai trò của chính sách đãi ngộ cán bộ, nhất là trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Vì vậy, trong thời gian tới, cần tiếp tục được hoàn thiện theo những yêu cầu sau:

- Đảm bảo công bằng xã hội, phân biệt sức cống hiến rõ ràng, thực sự là động lực để thu hút cán bộ cho những trọng trách quan trọng.

- Lương với người mới vào nghề cũng phải đảm bảo cho họ đủ sống bằng lương, là một bộ phận chính trong thu nhập; tiền lương bằng nhau cho các công việc như nhau và được thực hiện trong các điều kiện giống nhau.

- Tiền lương khác nhau căn cứ vào những khác biệt về hiệu quả công việc, không nặng về bằng cấp, tuổi tác, thâm niên trong nghề.

- Tiền lương của công chức cần được trả tương xứng với tiền công của khu vực ngoài nhà nước với những người cùng mức độ cống hiến, trình độ năng lực.

- Cơ cấu tiền lương của công chức phải được xem xét định kỳ và rà soát lại một cách hệ thống để đảm bảo hiệu lực liên tục, tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập của xã hội, tránh tình trạng quá lạc hậu với thực tiễn

Đồng thời, củng cố, chấn chỉnh công tác thi đua khen thưởng, đưa công tác khen thưởng vào nền nếp, thực sự là một nguồn lực tinh thần mạnh mẽ trong chính sách đãi ngộ cán bộ. Đó là các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu của cơ quan, tổ chức, ngành; giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước; nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn; được lựa chọn, quy hoạch đào tạo; các chế độ nghỉ hưu và sau khi nhận sổ hưu; các phần thưởng và công nhận danh hiệu của các tổ chức xã hội khác…

Cải cách công tác thi đua, khen thưởng để thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước một cách thực chất, khắc phục "bệnh thành tích", hình thức, lãng phí; đồng thời xây dựng môi trường làm việc tốt để cán bộ, công chức phát huy tốt nhất khả năng của mình, tận tuỵ và gắn bó suốt đời với nghề.

3.3.4. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở vật chất là điều kiện quan trọng đảm bảo cho các hoạt động nói chung và hoạt động chứng thực nói riêng được thực hiện một cách có hiệu quả.

Mặc dù 11 phường trên địa bàn quận Thanh Xuân đã được trang bị khá đủ về trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác chứng thực nhưng bên cạnh đó mạng Internet thì chưa được ổn định, rất nhiều lúc đang thực hiện chứng thực thì mất mạng Internet nên công việc chứng thực bị gián đoạn, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải ở lại làm thêm giờ để giải quyết những hồ sơ đã nhận khi bị mất mạng Internet. Cần đảm bảo máy tính, môi trường mạng Internet hoạt động liên tục và hiệu quả.

Đặc biệt hiện nay quận Thanh Xuân đang có kế hoạch thực hiện đăng ký một số thủ tục hành chính qua môi trường mạng Internet.

3.3.5. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: "Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật". Nhiệm vụ đầu tiên là phải ban hành pháp luật, tiếp đến là tổ chức thực hiện pháp luật, trong đó, nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được xem là cầu nối giữa đưa các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với các tầng lớp nhân dân. Mục đích của nhiệm vụ tuyên truyền, PBGDPL là nhằm xây dựng ý thức pháp luật, làm cho nhân dân, cán bộ, công chức có lòng tin vào pháp luật, có thói quen, động cơ tích cực trong thực hiện pháp luật. Sinh thời, V.I.Lênin từng chỉ rõ: "Tuyên truyền là cần

thiết và chúng ta không nên sợ phải lặp đi lặp lại… Và nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta đã quá chú ý nhiều đến việc tuyên truyền, thì cần nói rằng chúng ta còn phải làm việc đó nhiều hơn gấp trăm lần nữa. Điều đó có nghĩa là, hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cần phải thực hiện thường xuyên, liên tục, thực hiện càng nhiều nội dung, phong phú về hình thức, không chỉ bằng lời nói mà bằng hình ảnh minh họa, thực hiện càng nhiều càng tốt, khi nào hoạt động tuyên truyền đến với đối tượng được tuyên truyền biến thành hành động trong thực tế thì hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật mới thực sự có hiệu quả. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã đặc biệt coi trọng công tác giáo dục pháp luật, ngay từ Đại hội VI Đảng ta đã nhấn mạnh: "phải coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật. Đưa việc giáo dục pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước (kể cả các trường phổ thông, đại học), của các đoàn thể nhân dân. Cán bộ quản lý các cấp từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết pháp luật" đổi mới, kết hợp sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp. Điều quan trọng nhất là hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phải phù hợp với đối tượng thì mới mang lại hiệu quả của hoạt động tuyên truyền. Thông qua loa đài phường, bảng tin ở mỗi cụm dân cư, qua các buổi họp tổ dân phố.

3.3.6. Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND phường phải thường xuyên cải tiến nhằm duy trì hệ thống hoạt động liên tục, phù hợp, hiệu quả.

Nhằm đạt mục tiêu:

1. Xây dựng, áp dụng, duy trì và cập nhật hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008. Phấn đấu đến tháng 10/2015

công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008.

2. Đảm bảo 99% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường được giải quyết đúng hẹn.

3. Hàng năm có ít nhất 20% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng công tác.

4. Không có khiếu nại của tổ chức, công dân bằng văn bản về tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Trang bị và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật. Tạo môi trường làm việc thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức làm việc có năng suất cao. Áp dụng công nghệ thông tin để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc./.

3.3.7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động chứng thực

Thông qua việc kiểm tra nắm bắt tình hình thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực ở cơ sở nhằm tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc và đề xuất những kiến nghị với các cơ quan cấp trên để điều chỉnh các quy định của pháp luật về hộ tịch và chứng thực cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Cùng với đó, kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm trong đăng ký, quản lý hộ tịch và trong thực hiện việc chứng thực để đề ra những biện pháp chấn chỉnh, uốn nắn; đảm bảo công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

- *Đối với phòng tư pháp*

Thiết nghĩ bên cạnh việc taọ điều kiện về cơ sở vật chất, về con người cho việc thực hiện chứng thực trên địa bàn quận, UBND quận cần tang cường hơn nữa công tác chỉ đạo. Theo đó, để có thông tin xác thực về tình hình quản

lý và thực hiện chứng thực trên địa bàn quận, phòng tư pháp cần có báo cáo chuyên đề. Trong đó:

+ Cần đi sâu vào việc chỉ ra những biểu hiện và nguyên nhan khác biệt trong quản lý và thực hiện chứng thực ở các phường, bao gồm cả những thực tiễn tốt và trong cả những điều chưa hợp pháp, hợp lý.

+ Chỉ ra những khó khăn về việc áp dụng pháp luật, khó khăn về kỹ năng, nghiệp vụ, cơ sở vật chất.

+ Đưa ra những đại lượng định tính để nhìn ra những hướng sự việc yêu cầu chứng thực và những phát sinh có thể gặp phải.

+ Báo cáo cũng ần yêu cầu về việc đề cao sáng kiến, giải pháp của các địa phương trên nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Trên cơ sở báo cáo chuyên đề này, UBND quận sẽ có những thông tin xác thực nhất để đề ra các biện pháp cụ thể, từ việc nhân rộng những điển hình, đến việc uốn nắn những sai phạm , đề ra các cơ chế hỗ trợ hợp lý, chuẩn bị ứng xử cho những dự báo khó khăn có thể gặp phải. Công việc này được thực hiện từ sớm và đúng quy trình sẽ góp phần chỉnh đốn, củng cố tạo nên lề lối hoạt động quản lý và thực hiện chứng thực của chính quyền các phường trên địa bàn quận. Công tác báo của của phòng tư pháp có thể được thực hiện hàng tháng , quý, năm. Việc chỉ đạo cần được thực hiện tiến hành đồng thơi với công tác kiểm tra.

- *Đối với UBND các phường:*

Cần chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc chứng thực theo cơ chế một của, tiến hành điều tra sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chứng thực thực hiện tại UBND phường để từ đó có biện pháp xử lý kịp thời, gắn trách nhiệm pháp lý của chủ tịch/ phó chủ tịch phụ trách hoạt động chứng thực thực hiện hiệu quả

Phải loại bỏ ngay những quy định riêng gây phiền hà trong quá trình chứng thực của người dân, tổ chức

3.3.8. Quán triệt thực hiện nghiêm túc quy chế " Một cửa" tại UBND phường

- Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta đã chỉ rõ sự cần thiết phải tiến hành cải cách hành chính, coi đây là một giải pháp quan trọng góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Chúng ta đã tiến hành cải cách hành chính từng bước thận trọng và đã thu được nhiều kết quả rất đáng khích lệ. Cải cách hành chính ở Việt Nam được triển khai trên nhiều nội dung: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính, trong đó cải cách thủ tục hành chính là một khâu quan trọng và được đặt ra ngay từ giai đoạn đầu của tiến trình cải cách. Thủ tục hành chính liên quan không chỉ đến công việc nội bộ của một cơ quan, một cấp chính quyền, mà còn đến các tổ chức và công dân trong mối quan hệ với Nhà nước. Các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp hay ở các văn bản pháp luật khác có được thực hiện hay không, thực hiện như thế nào, về cơ bản, đều phải thông qua thủ tục hành chính do các cơ quan, các cấp chính quyền nhà nước quy định và trực tiếp giải quyết.

Thực chất, cơ chế "Một cửa" là cơ chế giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của nhiều cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp hoặc giữa các cấp hành chính từ hướng dẫn, tiếp nhận giấy tờ, hồ sơ, giải quyết đến trả kết quả được thực hiện tại một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của một cơ quan hành chính nhà nước. Trên thực tế có nhiều loại hồ sơ hành chính có liên quan đến thẩm quyền giải quyết của nhiều cấp, nhiều cơ quan, phải qua nhiều đầu mối mới có kết quả cuối cùng.

Cơ chế "một cửa liên thông" đặt ra yêu cầu các cơ quan nhà nước có trách nhiệm phối hợp trong quy trình xử lý hồ sơ, không để tổ chức, công dân cầm hồ sơ đi từ cơ quan này tới cơ quan khác. Người dân có nhu cầu chỉ phải nộp hồ sơ và nhận lại kết quả tại một đầu mối. Những cải cách này đã giúp cho cơ quan hành chính nhà nước phục vụ ngày càng tốt hơn những nhu cầu của người dân.

Thực hiện cơ chế "một cửa" đã cơ bản thay đổi bộ mặt của cơ quan hành chính các cấp, nâng cao chất lượng hiện đại hóa công sở hành chính theo chủ trương của Chính phủ. ở nhiều tỉnh, thành phố, bộ phận "một cửa" đã được hiện đại hóa với việc ứng dụng công nghệ thông tin, người dân, cán bộ có thể kiểm tra được quá trình giải quyết thủ tục tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cách thuận tiện, đơn giản qua hệ thống máy vi tính, phần mềm tra cứu thủ tục và thời gian giải quyết hồ sơ.

Trong công tác quản lý tài chính, thực hiện cơ chế "Một cửa", chúng ta đã xác lập trật tự, kỷ cương mới trong quản lý thu phí và lệ phí. Quy định công khai và minh bạch nguyên tắc thu, mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng đối với các loại phí, lệ phí tại bộ phận "Một cửa" của cơ quan hành chính các cấp. Trong giai đoạn I (2001 - 2005) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, chúng ta đã rà soát, bãi bỏ 140 loại phí do trung ương và 203 loại phí, lệ phí do các địa phương ban hành, tạo thuận lợi hơn cho người dân khi đến làm thủ tục hành chính tại bộ phận "Một cửa".

Kỷ cương hành chính cũng có những tiến bộ quan trọng. Thông qua sự chỉ đạo sâu sát, kiên quyết của Thủ tướng Chính phủ thời gian vừa qua về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của cơ quan hành chính, về rà soát, đơn giản hóa và công khai các thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế "một cửa" với chất lượng tốt hơn đã nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính, bằng các việc làm cụ thể ở các bộ, ngành và chính quyền địa

phương các cấp đã khẳng định sự chuyển biến bước đầu trong mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với người dân và doanh nghiệp.

Thực hiện cơ chế "Một cửa" đã góp phần tăng cường năng lực, trách nhiệm của cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước, kỹ năng, nghiệp vụ hành chính, cũng như tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nhằm xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Mặt khác, cơ chế "Một cửa" đã điều chỉnh mối quan hệ giữa nhân dân và công chức, tạo cơ chế giám sát, quản lý của nhân dân đối với cơ quan nhà nước, giữa lãnh đạo với cán bộ, công chức thuộc quyền, thể hiện rõ bản chất của công tác cải cách thủ tục hành chính.

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ chế "Một cửa", cơ quan hành chính các cấp cần quan tâm thực hiện những giải pháp sau:

- Thực hiện đồng bộ cải cách thủ tục hành chính với triển khai cơ chế "Một cửa" Rà soát lại hệ thống thủ tục, đánh giá mức độ phù hợp của các thủ tục và kiểm soát việc định ra các thủ tục mới của các bộ, ngành và địa phương. Nhanh chóng đưa vào thực hiện tại bộ phận "Một cửa" của cơ quan hành chính các cấp những thủ tục hành chính đã được rà soát, công khai tại giai đoạn I của Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước. Kiên quyết giảm tối thiểu 30% các quy định về thủ tục hành chính trong năm 2010 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục quán triệt chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế "Một cửa" một cách sâu rộng, toàn diện, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, cơ sở theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội và chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2000 - 2020.

- Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện cơ chế "Một cửa", tăng cường trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện, lựa chọn, bố trí cán bộ công chức, kiểm tra chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ cho công dân và tổ chức thông qua bộ phận "Một cửa".

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao hiểu biết của cán bộ, công chức và người dân về cơ chế "Một cửa", Khen thưởng và khuyến khích những sáng kiến, cách làm hay trong thực hiện cơ chế "Một cửa", được nhân dân đồng tình, ủng hộ./.

Tiểu kết chương 3

Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực là một đòi hỏi tất yếu của quá trình phát triển. Việc đổi mới, hoàn thiện pháp luật và công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực này phải được thực hiện trong bối cảnh tổng thể của cải cách hành chính nhà nước, cải cách tư pháp và xây dựng nền dân chủ pháp quyền ở Việt Nam, với những cơ sở vững chắc những lộ trình phù hợp nhằm tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao năng lực quản lý của nhà nước. Đây không chỉ là nhiệm vụ của nhà nước mà còn là nhiệm vụ của toàn xã hội, nhân dân.

Những định hướng, giải pháp được đề cập, hướng tới hoàn thiện ba yếu tố cơ bản của một hệ thống hành chính, đó là: Đảm bảo một hệ thống thể chế tốt, thủ tục hành chính rõ rang, một lực lượng nhân sự hợp lý đủ tâm đủ tầm dể vận hành tốt cơ chế, thực hiện nghiêm túc cơ chế “ một cửa” để công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực trở thành đúng nghĩa là quản lý cung ứng dịch vụ công trong nên hành chính phục vụ.

PHẦN KẾT LUẬN

Có thể nói, việc hình thành hoạt động chứng thực như một kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa nhu cầu của đời sống kinh tế - xã hội và nhu cầu quản lý của Nhà nước là công cụ phục vụ đời sống dân sự, kinh tế của người dân – một công cụ đáng tin cậy và có sức mạnh.

Thực tế hoạt động chứng thực tại UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần đảm bảo an toàn pháp lý cho các giao dịch hành chính, dân sự, kinh tế nhứ là công tác tổ chức nhân sự đã phần nào đáp ứng được nhu cầu đặt ra, xây dựng được bộ thủ tục đồng nhất với cơ chế " Một cửa", hoạt động tuyên truyền pháp luật đến ngươi dân dược thực chú trọng, có nhiều sáng tạo, đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế: Nhóm liên quan đến hoạt động chứng thực, quy trình thực hiện chứng thực đôi khi chưa thực hiện đúng, hoạt động chứng thực bị hạn ché, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thỏa đáng, chưa chú trọng văn hóa định hướng phục vụ nhân dân để hướng tới nền hành chính dịch vụ.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực, hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực cần thực hiện nhiều biện pháp như: Tăng cường năng lực công tác, phẩm chất đạo đức công vụ của công chức một cửa, công chức tư pháp nói riêng, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức tốt công tá tuyên truyền pháp luật, thực hiện ứng dụng chữ ký số, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quán triệt thực hiện cơ chê " một cửa" tại UBND phường.

Các nhu chứng thực ngày càng cao đối với các cá nhân, tổ chức khi họ gặp phải trong các giao dịch dân sự, kinh tế. Do vậy việc nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi có yêu cầu chứng thực là tất yếu khách quan cũng như cần phải quan tâm đến hoạt động quản lý nhà nước về chứng thực nhằm tạo điều kiện phục vụ nhân dân được

tốt hơn cũng chính là làm cho công tác quản lý của nhà nước được đơn giản hơn.

Ngày 18/5/2007 Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2007/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Theo Nghị định này thì thẩm quyền chứng thực (bản sao, chữ ký) được giao cho UBND cấp huyện, cấp xã, cơ quan đại diện ngoại giao.Nghị định đã tạo ra một sự chuyển biến lớn khi thực hiện phân cấp mạnh cho chính quyền địa phương, đồng thời cũng là thử thách lớn đối với chính quyền nghành tư pháp và các UBND cấp xã nói chung trong việc tổ chức thực hiện chứng thực. Nghị định này đã tạo cho người dân điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận dịch vụ chứng thực được nhanh, thuận tiện hơn.Tuy nhiên sau gần 7 năm thực hiện Nghị định 79/2007/NĐ-CP đã xuất hiện những bất cập lớn, từ bản thân các quy trình tới quá trình tổ chức thực hiện của nhiều địa phương. Do đó ngày 16/2/2015 Chính phủ ban hành Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Nghị định 23 cũng đã phần nào giải quyết được những tồn tại hạn chế của Nghị định 79: Phân cấp cho UBND cấp huyện chứng thực cả văn bản tiếng việt và tiếng anh, chứng thực chữ ký không phụ thuộc vào nơi cư trú. Quy định rõ hơn thế nào là bản chính, bản sao, bản sao có chứng thực. Và luật chứng thực ra đời đã tách biệt hai khái niệm chứng thực và công chứng. Tuy nhiên sau một thời gian thực hiện, Nghị định 23 vẫn còn một số điểm chưa được phù hợp với thực tế: người thực hiện chứng thực chữ ký, ký trước mặt người làm chứng tức phải ký trước mặt phó chủ tịch hoặc phó phòng tư pháp, đó là điều trái với quy trình một cửa. trong Nghị định còn nêu UBND cấp xã chứng thực được hợp đồng, giao dịch trái với luật công chứng là chuyển dần các hợp đồng, giao dịch sang cho văn phòng công chứng nhằm đảm bảo giá trị pháp lý cho các giao dịch được tốt hơn.

Trong bối cảnh đó, luận văn tập trung nghiên cứu về hoạt động quản lý của chính quyền và nghành tư pháp quận Thanh Xuân với hoạt động chưng thực trên địa bàn quận với tên đề tài " quản lý nhà nước về hoạt động chứng thực tại UBND phường từ thực tiễn quận Thanh Xuân".

Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân, những yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước về chứng thực, tôi xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực trên địa bàn quận Thanh Xuân. Hướng đến mục đích chung là tạo nên một hoạt động chứng thực của nhà nước dần chuyển sang dịch vụ công đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, thủ tục nhanh gọn, người dân sẽ dễ tiếp cận và công bằng trong cơ hội tiếp cận: đảm bảo minh bạch, công khai , quy chuẩn hóa hoạt động chứng thực hướng đến nền dịch vụ công, đảm bảo pháp chế trên cơ sở tôn trọng quyền dân chủ của người dân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*

2. Bộ Khoa học Công nghệ (2014*), Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN Quy định chi tiết thi hành quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống Hành chính Nhà nước.*

3. Bộ Nội vụ (2012), *Thông tư 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 hướng dẫn chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.*

4. Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp(2008), *Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 về hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực*.

5. Bộ Tư pháp (1995), *Giới thiệu vài nét về xây dựng hoàn thành công chứng nhà nước ở thành phố Hà Nội*, đăng trên tạp chí Thông tin khoa học pháp lý.

6. Bộ Tư pháp (2016), *Công văn số 842/HTQT-CT của Bộ Tư pháp ngày 26/5/2016 về quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực.*

7. C.Mác-Ph.Ăngghen (1983), *Toàn tập, tập 23*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

8. Chính phủ (2000), *Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực.*

9. Chính phủ (2007), *Nghị Định 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký*.

10. Chính phủ (2011)*, Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn.*

11. Chính phủ (2011), *Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020.*

12. Chính phủ (2012), *Nghị định 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi, bổ sung Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.*

13. Chính Phủ (2015), *Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.*

14. Ngô Sỹ Chung (2009), *Quản lý nhà nước về chứng thực hiện nay – Qua nghiên cứu thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội,* Luận văn Thạc sỹ Quản lý hành chính công, học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.

15. Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực – Bộ Tư pháp (2015), *Công văn 1847/HTQTCT-CT ngày 18/3/2015 về việc lập, mở sổ chứng thực.*

16. Nguyễn Duy Giang (2013*), Quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội,* Luận văn Thạc sỹ Quản lý hành chính công, học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.

17. Học viện Hành chính Quốc gia (2003), *Hành chính công,* Nxb. Thống kê, Hà Nội.

18. Phan Thanh Hương (2014), *Quản lý nhà nước về chứng thực trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội,* Luận văn Thạc sỹ Quản lý hành chính công, học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.

19. Phòng Tư pháp quận Thanh Xuân (2011), *Báo cáo kết quả công tác Tư pháp năm 2015, phương hướng nhiệm vụ năm 2012.*

20. Phòng Tư pháp quận Thanh Xuân (2012), *Báo cáo kết quả công tác Tư pháp năm 2012, phương hướng nhiệm vụ năm 2013.*

21. Phòng Tư pháp quận Thanh Xuân (2013), *Báo cáo kết quả công tác Tư pháp năm 2013, phương hướng nhiệm vụ năm 2014.*

22. Phòng Tư pháp quận Thanh Xuân (2014), *Báo cáo kết quả công tác Tư pháp năm 2014, phương hướng nhiệm vụ năm 2015.*

23. Phòng Tư pháp quận Thanh Xuân (2015), *Báo cáo kết quả công tác Tư pháp năm 2015, phương hướng nhiệm vụ năm 2016.*

24. Phòng Tư pháp quận Thanh Xuân(2015), *Công văn số 41/TP ngày 6/5/2015 về việc thực hiện Thông báo số 23/TP-STP của Sở Tư pháp.*

25. Quốc hội (2006), Luật Công chứng năm 2006.

26. Quốc Hội (2014), *Luật Công chứng năm 2014.*

27. Quốc Hội (2015), *Luật tổ chức Chính quyền địa phương.*

28. Quốc Hội (2015), *Luật tổ chức Chính Phủ.*

29. Thanh tra Bộ Tư pháp (2013), *Quyết định 07/QĐ-TTR ngày 01/4/2013 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch thanh tra được ban hành kèm theo Quyết định thanh tra số 05/QĐ-TTR ngày 22/3/2013 của Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp về thanh tra chuyên ngành công tác hộ tịch trong nước và chứng thực tại thành phố Hà Nội từ ngày 02/4/2013 đến ngày 30/5/2013.*

30. Thành ủy Hà Nội (2011), *Chương trình 08-Ctr/TU ngày 18/10/2011 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ đội ngũ cán bộ, công chức viên chức giai đoạn 2011-2015.*

31. Thủ tướng Chính phủ (2007)*, Quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 về ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương*.

32. Đặng Văn Trường (2010), *Quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực ở nước ta hiện nay và những vấn đề đặt ra,* Tạp chí quản lý nhà nước, số 168, tr. 48-51.

33. Ủy ban nhân dân quận Thanh Xuân (2013), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2013, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014*.

34. Ủy ban nhân dân quận Thanh Xuân (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2014, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2015.*

35. Ủy ban nhân dân quận Thanh Xuân (2015*), Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2015, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2016*.

36. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2014), *Quyết định số 68/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 về việc thu lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

37. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2009)*, Quyết định 5434/QĐ-UBND-CP ngày 21/10/2009 về phân định thẩm quyền công chứng các hợp đồng giao dịch trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

38. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội (2015)*, Quyết định 5117/QĐ-UBND ngày 8/10/2015 về việc công bố TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

39. Vũ Thị Thảo (2015), *Đặc san tuyên truyền pháp luật số 02/2015 về chủ đề pháp luật về chứng thực.*

40. http://www.chinhphu.vn

41. http://www.caicachhanhchinh.gov.vn

42. http://www.luatvietnam.com.vn

43. http://www.vietlaw.gov.vn

44. https://www. hanoi.gov.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤC LỤC 1

Các đơn vị hành chính thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội

STT	Tên đơn vị	Điện thoại liên hệ
1.	UBND phường Phương Liệt	04.38692622
2.	UBND phường Thanh Xuân Bắc	04.38541051
3.	UBND phường Thanh Xuân Trung	04. 35575535
4.	UBND phường Thanh Xuân Nam	04.38541051
5.	UBND phường Kim Giang	04.38551042
6.	UBND phường Nhân Chính	04.38582509
7.	UBND phường Thượng Đình	04. 38581015
8.	UBND phường Hạ Đình	04. 35585597
9.	UBND phường Khương Đình	04.38586215
10.	UBND phường Khương Trung	04.38532017
11.	UBND phường Khương Mai	04.35665135

PHỤ LỤC 2

CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ CHỨNG THỰC ĐANG ÁP DỤNG TẠI UBND PHƯỜNG TỪ THỰC TIỄN QUẬN THANH XUÂN

(***Theo Quyết định số 5117/QĐ-UBND ngày 8/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội***)

Thủ tục : Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt	
Trình tự thực hiện	Bước 1: Người có yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận "tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính" – UBND phường. Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng theo quy định thì viết phiếu hẹn trả kết quả cho công dân. + Trường hợp hồ sơ còn thiếu , không hợp lệ cần bổ sung thì cán bộ tiếp nhận có trách nhiệm viết giấy hướng dẫn công dân bổ sung , hoàn thiện hồ sơ. Bước 3: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, bộ phận một cửa chuyển hồ sơ tới bộ phận chuyên môn giải quyết theo quy định. Bước 4: Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa, bộ phận chuyên môn kiểm tra hồ sơ, giải quyết và chuyển kết quả theo đúng thời gian quy định. + Trường hợp cần xác minh ,bộ phận chuyên môn có thông tin kịp thời tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả (so với giấy hẹn – nếu cần) cho công dân. Bước 5: Sau khi nhận kết quả từ bộ phận chuyên môn, bộ phận trả kết quả cho công dân theo phiếu hẹn.

Cách thức thực hiện	Người yêu cầu chứng thực trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính – UBND phường.
Thành phần hồ sơ	1. Giấy tờ phải nộp : - Bản photo/bản in, bản đánh máy vi tính/bản đánh máy hoặc bản viết tay giấy tờ cần chứng thực (Nội dung các giấy tờ này đầy đủ, chính xác như bản chính). 2.Giấy tờ phải xuất trình - Bản chính (của các giấy tờ cần chứng thực).
Số lượng	Theo yêu cầu của công dân
Thời gian giải quyết	- Giải quyết ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần yêu cầu chứng thực số lượng lớn thì được hẹn lại nhưng không quá 02 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	Cá nhân hoặc tổ chức có nhu cầu chứng thực các loại giấy tờ, văn bản sau: 1. Giấy tờ, văn bản chỉ bằng tiếng Việt. 2. Giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp có xen một số từ tiếng nước ngoài (ví dụ: Giấy chứng nhận kết hôn của người Việt Nam và người nước ngoài; trong đó ghi tên, địa chỉ của người nước ngoài bằng tiếng nước ngoài…).
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND phường (không phân định theo địa giới hành chính). - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cán Bộ Tư pháp – Hộ tịch.
Kết quả thực hiện	- Bản sao giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt đã được chứng thực theo đúng quy định. - Trường hợp từ chối thực hiện , người thực hiện phải giải thích rõ về lý do từ chối bằng văn bản và hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Lệ phí	- 2.000đ/trang - Từ trang thứ 3 trở đi: thu 1.000đ/trang. - Tối đa thu không quá 100.000đ/bản.
Tên mẫu đơn	Không
Yêu cầu, điều kiện	1. Những trường hợp không được chứng thực bản sao từ bản chính: - Bản chính được cấp sai thẩm quyền hoặc giả mạo. - Bản chính đã bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt hoặc đã bị hư hỏng, cũ nát không thể xác định rõ nội dung. - bản chính không được phép phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. - Đơn, thư và các giấy tờ do cá nhân tự lập không có chứng nhận, chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. - Các giấy tờ, văn bản khác mà pháp luật quy định không được sao. 2. Bản chính dùng để đối chiếu khi chứng thực bản sao gồm: - Bản chính cấp lần đầu. - Bản chính cấp lại. - Bản chính đăng ký lại.
Căn cứ pháp lý	1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; 2. Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại

	diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài. 3. Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực. 4. Quyết định số 68/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 về việc thu lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thủ tục: Chứng thực chữ ký/điểm chỉ giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt	
Trình tự thực hiện	Bước 1: Người có yêu cầu chứng thực chữ ký chuẩn bị những giấy tờ dự định ký vào; xuất trình giấy tờ tùy thân và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính. Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và chuyển cán Bộ Tư pháp – Hộ tịch giải quyết ngay. + Trường hợp hồ sơ còn thiếu, cần xác minh thì chuyển bộ phận tiếp nhận viết giấy hẹn ghi rõ ngày giờ trả kết quả. Bước 3: Sau khi kiểm tra nội dung giấy tờ cần chứng thức đúng theo quy định, cán Bộ Tư pháp – Hộ tịch yêu cầu người có yêu cầu chứng thực trực tiếp ký/điểm chỉ vào văn bản chứng thực; trình Chủ tịch UBND phường theo quy định pháp luật. Bước 4: Chuyển kết quả ra Bộ phận 1 cửa vào sổ và trả kết quả cho công dân theo quy định.
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính – UBND phường.
Thành phần hồ sơ	Giấy tờ phải nộp : 1. Văn bản, giấy tờ cần thực hiện chứng thực chữ ký (văn bản,

	giấy tờ mà người yêu cầu chứng thực dự định ký vào đó). Giấy tờ phải xuất trình 1. CMND hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác.
Số lượng	Tùy theo yêu cầu của công dân.
Thời gian giải quyết	- Giải quyết ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh làm rõ nhân thân người yêu cầu chứng thực thì thời hạn nói trên được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	- Cá nhân công dân không phụ thuộc vào nơi cư trú có dự định yêu cầu chứng thực chữ ký/điểm chỉ trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt.
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND phường không phụ thuộc vào nơi cư trú của người yêu cầu. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cán Bộ Tư pháp – Hộ tịch.
Kết quả	- Văn bản, giấy tờ đã được chứng thực chữ ký hoặc điểm chỉ - Trường hợp từ chối thực hiện, UBND phường phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	- 10.000đ/chữ ký (điểm chỉ)
Tên mẫu đơn	- Không
Yêu cầu, điều kiện	1. Người yêu cầu chứng thực chữ ký phải ký / điểm chỉ trước mặt người thực hiện chứng thực. 2. Việc chứng thực điểm chỉ thực hiện khi người yêu cầu chứng thực không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký. 3. Khi thực hiện chứng thực bằng điểm chỉ, cán Bộ Tư pháp hướng dẫn người yêu cầu chứng thực sử dụng ngón trỏ phải; nếu không điểm chỉ được bằng ngón trỏ phải thì điểm chỉ bằng ngón trỏ

	trái. Nếu không thực hiện được bằng hai ngón trỏ thì điểm chỉ bằng ngón tay khác và phải ghi rõ việc điểm chỉ bằng ngón tay nào của bàn tay nào.
Căn cứ pháp lý	1. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. 2. Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài. 3. Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực. 4. Quyết định số 68/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 về việc thu lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn thành phố Hà Nội.